

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC
VIETRANSTIMEX



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016





WE WHEEL **THE INDUSTRIES**

MỤC LỤC

- 67 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 75 BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 89 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2016

- 01 THÔNG TIN CHUNG
- 23 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- 49 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX

Thông tin khái quát

- Tên Tiếng Anh: Vietranstimex Multimodal Transport Holding Company
- Mã cổ phiếu: VTX
- Vốn điều lệ: 209.723.210.000 đồng
- Trụ sở chính: 80 – 82 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (0236) 3822057
- Fax: (0236) – 3822478
- Email: sales@vietranstimex.com.vn
- Website: www.vietranstimex.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0400101901 thay đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Quá trình hình thành và phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN CHUNG

1976

Ngày 27/03/1976 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1313/QĐ-TC về việc thành lập Công ty Đại lý Vận tải Đà Nẵng trực thuộc Bộ Giao Thông Vận tải đảm nhận công tác đại lý vận tải hàng hóa tại các khu vực Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang và các tỉnh lân cận theo kế hoạch Bộ Giao thông Vận tải giao

1979

Ngày 17/05/1979 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1096/QĐ-TC về việc đổi tên Công ty Đại lý Vận tải Đà Nẵng thành Công ty Đại lý Vận tải Khu vực II trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải đảm nhận công tác đại lý vận tải hàng hóa tại các tỉnh Miền Trung từ Bình Trị Thiên (cũ) đến Phú Khánh (cũ).

1983

Ngày 20/04/1983 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 855/QĐ-TCCB về việc đổi tên Công ty Đại lý Vận tải Khu vực II thành Xí nghiệp Đại lý Vận tải Đà Nẵng trực thuộc Đại lý Vận tải đường biển Việt Nam.

Ngày 01/08/1983 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1561/QĐ/TCCB v/v đổi tên Xí nghiệp Đại lý Vận tải Đà Nẵng thành Công ty Đại lý Vận tải đường biển II trực thuộc Tổng cục đường biển Việt Nam.

1987

Ngày 16/12/1987 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 2339b/TCCB về việc chuyển Công ty Đại lý Vận tải Đường biển II thành Công ty Dịch vụ Vận tải II trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải để đảm nhận nhiệm vụ tổ chức liên hiệp vận chuyển và thực hiện các loại dịch vụ vận tải.

1993

Ngày 11/03/1993 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành quyết định số 385/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Dịch vụ Vận tải II trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải theo quy chế về thành lập và giải thể Doanh nghiệp Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (Nay là Chính phủ).

1995

Ngày 27/11/1995 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 4896/QĐ/TCCB-LĐ về việc chuyển Công ty Dịch vụ Vận tải II thành Công ty Dịch vụ Vận tải Đà Nẵng trực thuộc Tổng công ty Dịch vụ Vận tải.

1997

Ngày 15/05/1997 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành quyết định số 1273/QĐ/TCCB-LĐ về việc chuyển Công ty Dịch vụ Vận tải Đà Nẵng thành Công ty Dịch vụ Vận tải II trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

2003

Ngày 21/10/2003 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 3097/QĐ-BGTVT về việc đổi tên Công ty Dịch vụ Vận tải II thành Công ty Vận tải đa phương thức trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 11/03/2008 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 598/QĐ-BGTVT v/v phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa năm 2008; trong đó có Công ty Vận tải đa phương thức.

2008

Ngày 28/05/2010 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT v/v phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Vận tải đa phương thức.

Ngày 21/07/2010 Công ty Vận tải đa phương thức tổ chức thành công việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo thông báo số 1272/SGDHN-TCKT ngày 21/07/2010 và Thông báo số 1529/SGDHN-TCKT ngày 25/08/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 25/10/2010 Công ty Vận tải đa phương thức tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Ngày 01/11/2010 Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần trên cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp

2010

Ngày 27/11/2012 Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức hoàn tất việc sát nhập 03 Công ty con là Công ty cổ phần Vận tải thủy Hà Nội, Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2 và Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6 vào Công ty mẹ.

2012

Ngày 02/01/2013 Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức được cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần sau khi sát nhập 3 công ty con.

Ngày 27/06/2013 Tổng Công ty Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) tiếp nhận bàn giao đại diện phần vốn Nhà nước từ Bộ Giao thông Vận tải (MOT).

2013

Ngày 21/04/2014 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 189/QĐ-SGDHN v/v chấp thuận cho Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Ngày 29/04/2014 Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức thông báo chính thức v/v giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đến Quý Cổ đông và các nhà đầu tư bên ngoài. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 15/05/2014

2014

Ngày 29/12/2015 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) có quyết định số 867/QĐ-ĐTKDV về việc bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức.

2015

Ngày 28/06/2016 Công ty cổ phần Kho vận miền Nam (SOTRANS) chính thức trở thành nhà đầu tư chi phối trên 51% vốn điều lệ của Công ty. Vietranstimex chính thức trở thành thành viên của SOTRANS Group.

Ngày 01/11/2016 Chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức VIETRANSTIMEX.

2016



2016 MỘT NĂM NHÌN LẠI

Năm 2016 đánh dấu nhiều sự kiện quan trọng đối với CTCP Vận tải đa phương thức Vietranstimex:

Xếp hạng thứ

216

Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng và triển vọng xuất sắc nhất Việt Nam năm 2016

Ngày 12/04/2016, Tổng giám đốc Vietranstimex – ông Võ Duy Nghi đã tham dự Lễ công bố Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng và triển vọng xuất sắc nhất Việt Nam do Ban Tổ chức FAST500 - Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo Vietnam Net - Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện tại Trung tâm hội nghị Quốc gia, Hà Nội.

Tại buổi lễ, Ban tổ chức đã trao giấy chứng nhận xếp hạng thứ 216 trong top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam cho Vietranstimex. Đây là phần thưởng ghi nhận và tôn vinh những nỗ lực không biết mệt mỏi và những thành quả mà tập thể lãnh đạo và CBCNV Vietranstimex đã đạt được trong suốt thời gian từ năm 2011 đến nay. Đồng hành cùng với công cuộc tái cơ cấu nền kinh tế đất nước từ 2011 đến nay, Ban điều hành Vietranstimex luôn nỗ lực không ngừng nghiên cứu và áp dụng những biện pháp phù hợp để đưa Công ty vượt qua khó khăn, thách thức; xây dựng hình ảnh, thương hiệu; tìm lại, mở rộng thị trường; tăng trưởng, mở rộng doanh thu qua từng năm; người lao động thường xuyên được đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập ổn định; chất lượng và uy tín của dịch vụ vận tải- bốc xếp hàng siêu trường siêu trọng không ngừng được cải tiến, nâng cao và duy trì với các đối tác, khách hàng lớn trong và ngoài nước.





Xếp hạng thứ

43

Bảng xếp hạng Top 50 Công ty vận tải hàng nặng thế giới năm 2016

Vietranstimex luôn có mặt trong Top 50 của bảng xếp hạng trong 5 năm liên tiếp kể từ 2011. Kết quả này là một phần thưởng xứng đáng ghi nhận những nỗ lực không biết mệt mỏi của toàn thể CBCNV Công ty cũng như Ban lãnh đạo trong việc nghiên cứu, đưa ra các phương án bảo dưỡng phương tiện thiết bị một cách khoa học, đồng thời lựa chọn những giải pháp đầu tư và nâng cấp phương tiện, cơ sở hạ tầng hỗ trợ lĩnh vực xếp dỡ, vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng một cách hiệu quả nhất nhằm đảm bảo luôn đủ năng lực cung cấp các dịch vụ tốt, có giá thành hợp lý và có thể cạnh tranh với các đối thủ cùng lĩnh vực trong khu vực và trên thế giới.



with Challenger Motor Freight in 8th and pushing Barnhart down one to tenth is Bennett Motor Express, a new entry in 9th place. Daseke (Lone Star) is displaced from the top ten, which it entered last year, by one place to 11th.

Second of the new entries is NTC Logistics in India, at 14th place. Its total





a 61% increase in its T50 Index. Sankyu from Japan moved up six places from 28 to 22 with a 12% increase in its index. Berard posted a 39% rise from 10,272 to 14,320 points, moving the US company up from 46 to 29th place. Alleys from the UK moved up an impressive nine places on the back of a 20% increase in its T50 total.

NOTE: While we make great effort to ensure the accuracy of information provided, it cannot be guaranteed and ICJ accepts no liability for inaccuracies or omissions.

RANK 2016	RANK 2015	COMPANY	COUNTRY OF HQ	DEPOTS	AREA OF OPERATION	EMPLOYEES	SENIOR CONTACT	WEB ADDRESS	MODULAR TRAILERS	SPECIALIZED TRAILERS	No. OF TRACTOR UNITS	T50 INDEX 2015	T50 INDEX 2016	RANK 2016
1	1	Mammoet	Netherlands	90	Worldwide	5,200	Jan Kleinj, CEO	www.mammoet.com	207,300	n/a	481	199,515	207,300	1
2	2	ALE	United Kingdom	38	Worldwide	1,750	Mark Harries, Global managing director	www.ale-heavylift.com	191,508	8,810	142	173,198	200,318	2
3	3	Sarens	Belgium	90	Worldwide	4,452	Wim Sarens, CEO	www.sarens.com	95,148	21,343	316	113,191	116,491	3
4	5	Fagot	Italy	10	Worldwide	590	Fabio Betti, CEO	www.fagot.com	92,546	11,100	122	93,426	103,440	4
5	25	Landsat	USA	1,500	International	1,200	Rusty Cody, VP heavy specialized and intermodal	www.landsat.com	1,450	95,195	84,29	98,000	98,845	5
6	8	ATS Specialized	USA	16	National	1,321	Gary Stang, vice president	www.atsinc.com	15,181	45,254	919	80,435	92,614	6
7	8	All Erection & Crane Rental	USA	38	North America	1,500	Michael Liptak, president	www.allcrane.com	18,958	58,230	375	62,290	74,888	7
8	7	Challenger Motor Freight	USA	5	International	2,200	David Feinwechter, general manager	www.challenger.com	0	72,381	1,500	72,381	72,381	8
9	n/a	Bennett Motor Express	USA	126	International	211	David Lowry, CEO	www.bennettig.com	2,567	46,717	951	n/a	49,284	9
10	9	Barnhart	USA	45	Continental	1,200	Alan Barnhart, CEO	www.barnhartcrane.com	22,439	22,936	295	44,104	45,575	10
11	10	Daseke (Lone Star Transportation)	USA	48	USA, Canada, Mexico	3,400	Don Daseke, CEO and chairman	www.daseke.com	0	40,620	310	38,790	40,620	11
12	11	Bigge Crane and Rigging	USA	10	International	450	Joseph Helms, vice president	www.bigge.com	28,392	10,949	45	34,999	39,341	12
13	12	Al Jaber Heavy Lift & Transport	Abu Dhabi, UAE	8	Worldwide	814	George Kshy, business development director	www.alj.com	34,476	0	0	34,476	34,476	13
14	n/a	NTC Logistics India	India	12	Continental	2,639	Divan Babu, chairman's assistant	www.ntclogistics.in	11,004	23,051	685	n/a	34,057	14
15	14	Emmert International	USA	4	International	110	Terry Emmert, president	www.emmertintl.com	22,258	8,936	89	26,200	31,194	15
16	13	Big Move	Europe	13	Europe	1,230	Mitch Landry, chairman of the board	www.bigmove.net	4,568	21,376	668	28,636	26,344	16
17	16	Deep South Crane & Rigging	USA	6	North and South America	540	Mitch Landry, vice president	www.deepsouthcrane.com	14,460	10,503	79	23,346	24,963	17
18	15	Keen Transport	USA	15	International	525	Chris Easter, president	www.keentransport.com	0	23,950	310	23,950	23,950	18
19	18	WCSO Crane and Heavy Haul	Canada	27	North America	1,020	Ted Redmond, president and CEO	www.wcsocan.com	12,943	10,954	143	18,973	23,316	19
20	43	Heavy Transport Inc. (Bragg Companies)	USA	9	National	200	Robert Weyers, general manager	www.braggcrane.com	10,871	4,985	110	10,115	20,354	20
21	17	Entrec	Canada	13	USA and Canada	750	John Stevens, president and CEO	www.entrecrtransport.com	10,478	10,220	290	20,898	20,898	21
22	28	Sankyu	Japan	10	Japan and Asia	300	Masaharu Miyazono, general manager	www.sankyu.co.jp	18,754	990	38	13,862	19,744	22
23	19	Transport Bellemare International	Canada	7	International	475	Jean-Luc Bellemare, president	www.transportbellemare.com	5,298	13,209	170	19,880	18,527	23
24	21	Hareket Heavy Lifting and Project Transportation	Turkey	5	Turkey, CIS and Middle East	400	Engin Kuzucu, general manager	www.hareket.com.tr	12,216	5,308	78	14,735	17,524	24
25	38	Lampson International	USA	10	Worldwide	300	Bill Lampson, president and CEO	www.lampsoncrane.com	15,206	1,852	42	10,598	17,528	25
26	24	Tradlosses	Mexico	6	Mexico and Central America	254	Carlos Cereno, sales manager	www.tradlosses.com	4,838	4,838	141	14,163	14,907	26
27	23	Edwards Moving & Rigging	USA	4	National	115	Mark Edwards, CEO	www.edwardsmoving.com	10,304	4,436	27	15,258	16,240	27
28	22	Tuff Bryant Group	Australia	8	National	550	Robert West, general manager	www.tuffbryant.com.au	15,054	1,958	28	14,332	14,332	28
29	42	Berard Transportation	USA	4	National	75	Brett Berard, VP operations	www.berardtrans.com	12,874	1,444	31	10,272	14,320	29
30	23	Transportes Montaje	Colombia	9	South America	788	Fernando Montaje, general manager	www.transportesmontaje.com	9,400	4,669	117	14,269	14,269	30
31	30	Maxim Crane Works	USA	34	USA	1,450	Frank Bardonaro, president	www.maximcrane.com	2,573	11,499	254	13,102	14,072	31
32	29	Nippon Express	Japan	840	Worldwide	52,024	Naomi Fujita, group general manager	www.nipponexpress.com	11,599	1,894	21	13,492	13,492	32
33	25	Van der Vlist	Netherlands	10	Worldwide	450	Dirk and Nico van der Vlist, directors	www.vandervlist.com	3,364	9,844	240	14,036	13,210	33
34	21	Milner Transfer & Rigging	USA	18	International	85	Michael Unger, president	www.milnertransfer.com	0	13,649	142	12,992	13,240	34
35	33	Havalor	Finland	45	Northern Europe, Russia	400	Jussi Yli-Niemel, CEO	www.havalor.com	8,804	4,110	50	11,530	12,216	35
36	32	Locar Guindastes e Transportes Intermodais	Brazil	12	Brazil	1,400	Marina Simões, CEO	www.locar.com.br	9,950	2,065	32	12,689	12,015	36
37	46	Alleys Heavy Haulage	United Kingdom	2	UK, Ireland and Europe	135	David Alley, director	www.alleys.co.uk	6,972	4,785	45	9,785	11,527	37
38	27	Irga Lupercio Torres	Brazil	9	South America	200	Lupercio Torres Neto, president	www.irga.com.br	7,442	4,014	81	13,992	11,456	38
39	36	Lift and Shift India	India	4	India, Middle East, SAARC, SE Asia	150	Sameer Parikh/Romil Parikh, directors	www.liftandshift.co.in	10,976	270	10	10,976	11,246	39
40	35	Nabors Transport	India	2	North, West and South India	250	Nilesh Patel, chairman	www.naborstransport.com	6,000	5,003	73	10,003	11,003	40
41	40	Collett & Sons	United Kingdom	3	Worldwide	125	David Collett, managing director	www.collett.co.uk	8,764	1,513	45	10,284	10,284	41
42	49	Masatsuki Transports	Brazil	5	Latin America	114	Beauzy Zuzassaki, operations director	www.masatsuki.com.br	10,600	0	15	10,600	10,600	42
43	38	Vietranstimex	Vietnam	4	Vietnam, Laos and Cambodia	407	Vu Duy Nghi, CEO	www.vietranstimex.com.vn	9,368	1,254	56	10,551	10,524	43
44	44	Stiglich Transportes	Peru	4	Peru, Chile	137	Aldo Micasse Pereyra, operations manager	www.stiglich.com.pe	5,567	4,295	78	9,862	9,862	44
45	54	JH Parabola Transport	India	10	India	410	Zarkish Parabola, director	www.jhparabola.com	7,040	2,786	52	7,620	9,265	45
46	45	Sammons Trucking	USA	4	National	70	Tim Burke, president	www.sammonstrucking.com	0	9,792	350	9,792	9,792	46
47	47	Superspa Transporte Especiais e Intermodais	Brazil	2	Brazil	500	Louis Varat, superintendent	www.superspa.com.br	8,109	5,777	32	9,736	9,736	47
48	48	J Supor & Son Trucking & Rigging	USA	1	National	140	Joseph Supor, president	www.jsupor.com	4,224	5,444	55	10,960	10,960	48
49	49	Contractors Cargo Co	USA	2	USA, Canada, Mexico	82	Derald Wheeler, president	www.contractorscargo.com	4,450	4,844	50	9,494	9,494	49
50	54	Transportes Noroccidental	Ecuador	12	Ecuador, Peru	550	Edgar Andrade, commercial manager	www.noroccidental.com	5,095	4,000	150	8,600	9,095	50



40 năm (1976 - 2016)

Lễ kỷ niệm thành lập VIETRANSTIMEX

VỮNG BƯỚC DẪN ĐẦU – VƯƠN TẦM CAO MỚI

Ngày 04/11/2016, Công ty CP Vận tải đa phương thức Vietranstimex long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập công ty tại Pullman Resort, thành phố Đà Nẵng.

Qua 40 năm xây dựng và trưởng thành với nhiều lần thay đổi tên gọi nhằm phù hợp từng giai đoạn phát triển, từ những phương tiện vận tải hàng thô sơ đến nay năng lực vận tải của Công ty vươn lên hàng đầu trong nước và khu vực Đông nam Á, được xếp Top 50 doanh nghiệp vận tải hàng nặng hàng đầu thế giới trong 6 năm liền từ 2011 đến nay do Hiệp hội vận tải hàng nặng SC&RA bình chọn với hàng trăm phương tiện thiết bị đặc chủng, tiên tiến hiện đại.

Từ kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường từng công đoạn, bằng nỗ lực không ngừng đổi mới mô hình kinh doanh, tăng cường hợp tác liên danh với các đối tác trong và ngoài nước, chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại tiên tiến nên đến nay SXKD của công ty đã vươn lên hàng đầu trong lĩnh vực tổ chức kinh doanh vận tải hàng siêu trường siêu trọng và thiết bị toàn bộ, liên tục thắng thầu và được chỉ định thầu thực hiện các công trình trọng điểm quốc gia gần như tất cả các lĩnh vực: dầu khí, thủy điện, nhiệt điện, phong điện, công nghiệp nặng, than, xi măng, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, hóa chất, lọc hóa dầu, truyền tải điện, giấy.. góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa Đất nước.







Cổ phiếu mã VTX của Vietranstimex lọt vào danh sách UPCoM Premium 86

Ngày 17/06/2016, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã cho công bố bảng danh sách UPCoM Premium với 86 cổ phiếu chọn lọc trong số các cổ phiếu chưa được niêm yết tại sàn. Cổ phiếu của Vietranstimex với mã VTX đã có tên trong danh sách này.

Các cổ phiếu trong bảng này phải đạt các tiêu chuẩn định lượng như: tổ chức đăng ký giao dịch có vốn điều lệ từ 120 tỉ đồng trở lên, hoạt động kinh doanh năm liền trước có lãi, không có lỗ lũy kế; hoặc tổ chức có vốn điều lệ từ 30 tỉ đồng trở lên, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm liền trước tối thiểu là 5%, không có lỗ lũy kế. Các tiêu chí này được xem xét dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm tài chính gần nhất.

Các tiêu chuẩn định tính kèm theo gồm: các tổ chức đăng ký giao dịch đã báo cáo cho HNX về việc công bố thông tin báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét (nếu có) của năm tài chính gần nhất đúng thời hạn quy định.

Giấy khen vì thành tích tốt trong việc chấp hành pháp luật lao động 24.11

Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex vinh dự được Sở Lao động Thương Binh và Xã hội thành phố Đà Nẵng trao tặng Giấy khen vì thành tích tốt trong việc chấp hành pháp luật lao động.



Dự án tiêu biểu của Vietranstimex được hiệp hội Logistics toàn cầu (GPLN) ghi nhận

Công trình "Vận chuyển và hạ thủy kiện Topside Module 2 nặng 3000 tấn tại Cảng hạ lưu PTSC, Vũng Tàu của Vietranstimex đã vinh dự được xếp hạng cao nhất và in ở trang đầu của tập san căn cứ vào tính chất công việc, cấu hình rơ-mooc và trọng lượng hàng hóa vận chuyển. Đây thực sự là niềm vinh dự lớn của toàn thể CBCNV Công ty trong một năm 2016 đáng nhớ này, góp phần giới thiệu hình ảnh của VIETRANSTIMEX đến các đối tác và khách hàng trên toàn thế giới.



Global Project Logistics NEWSLETTER

The Official Voice of the Global Project Logistics Network (GPLN)

November – December 2016
Issue No. 54

Transportation and Off-Loading of 3,000-Megaton Topside

Vietranstimex successfully completed the transportation and load-out of the STT-PIP Module 2 Topside from the fabrication yard onto a sea-going barge at PTSC downstream port in Vũng Tàu City, Vietnam.

A topside is an offshore oil platform, referring to the upper half of the structure, above the sea level, outside the splash zone, on which equipment is installed.

The transported topside module weighed around 3,000 tons, and had following dimension: 47 meters long, 42 meters wide and 37 meters high.

The huge module was transported and off-loaded, using a trailer with a configuration of 5 x 31 axle lines. Each line consisted of 18 axles of SPMT and 13 axles of SPT, connected via a special electronic header. www.gpln.net





Ngành nghề kinh doanh

Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex đã đăng ký các ngành nghề kinh doanh tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400101901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/11/2010 và cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 11 năm 2016, gồm các ngành và mã ngành tương ứng như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế. Kinh doanh vận tải, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933 (chính)
2	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ phụ trợ cho cảng sông, cảng biển; Kinh doanh vận tải, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường thủy. Quản lý và khai thác cảng sông và cảng biển. Dịch vụ cảng và bến cảng	5222
5	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: bốc xếp hàng hóa; Các dịch vụ phụ trợ bốc xếp khác	5224
6	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho bãi, lưu giữ hàng hóa; dịch vụ kho ngoại quan	5210
7	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
8	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải, xếp dỡ	7730
10	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; Dịch vụ du lịch trên sông	7911
11	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cung ứng nhân lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và công nhân trong lĩnh vực vận tải, xếp dỡ	7820
12	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm	7810
14	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Dịch vụ đóng gói, bao bì cho hàng hóa	8292
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ logistic. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải. Dịch vụ cảng: hoa tiêu lai dắt và hỗ trợ kéo tàu biển, cung cấp thực phẩm, dầu, nước, thu gom đồ rác và xử lý nước la cảnh thải, dịch vụ cảng vụ, bảo đảm hàng hải, dịch vụ khai thác trên bờ cần thiết cho hoạt động con tàu kể cả cung cấp thông tin liên lạc, nước và điện, sửa chữa khẩn cấp trang thiết bị, dịch vụ neo đậu và cầu cảng	5229
16	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư. Xây dựng cảng sông và cảng biển	4290
17	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

18	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
19	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Gia công chế tạo sơ mi rơ moóc, rơ moóc chuyên dùng	3099
20	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải, xếp dỡ, máy móc, thiết bị	3315
21	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
22	Khai thác quặng sắt	0710
23	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
25	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
26	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
27	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư	6810
28	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
29	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn nguyên liệu, chất đốt, thạch cao, klinke phục vụ cho sản xuất xi măng	4669
30	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch	5510
31	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
32	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị và phụ tùng phục vụ ngành hàng hải	4659
34	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
35	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
36	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Sửa chữa, đóng mới phương tiện vận tải thủy	3011
37	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí	2592
38	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng giao thông, xây dựng phương án vận tải, xếp dỡ	71109
39	Sản xuất xe có động cơ Chi tiết: Sửa chữa, đóng mới ô tô	2910
40	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khách cho vận tải hàng không	52239
41	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hàng nông lâm thổ sản, hàng thủ công mỹ nghệ	4620
42	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: gia công, chế biến các loại hàng nông lâm thổ sản	1030
43	Sản xuất khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: gia công, chế biến hàng thủ công mỹ nghệ	3290

Ghi chú: Nếu có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần thì Công ty sẽ đăng ký ngành nghề kinh doanh theo biểu cam kết WTO và mã ngành theo hệ thống phân loại sản phẩm chủ yếu của Liên Hợp Quốc (CPC – Central Product Classification).

Địa bàn kinh doanh

Chi nhánh miền Bắc CTCP Vận tải đa phương thức Vietranstimex

Tầng 12 Tòa nhà Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng đại diện tại Lào

Tổ 6, Bản Phon Thanh, Huyện Xaysettha, Thủ đô Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Văn phòng đại diện tại Campuchia

Tòa nhà KT Tower, số 23, đường 112, phường Đe po 3, Quận Tua Kok, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia.





Trụ sở chính

80 – 82 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

**Chi nhánh Vietranstimex Quảng Ngãi CTCP
Vận tải đa phương thức Vietranstimex**

Phân khu Sài Gòn – Dung Quất, KKT Dung Quất, Xã Bình Thạnh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi.

**Chi nhánh miền Nam Công ty CP Vận tải đa
phương thức Vietranstimex**

Số 15, Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty áp dụng chuẩn mực quốc tế bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban kiểm soát
- Hội đồng quản trị
- Bộ máy điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các Phòng Nghiệp vụ và Giám đốc các Chi nhánh dưới sự điều hành của Tổng Giám đốc.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân cấp, phân công quản lý và điều hành theo các khối sản xuất kinh doanh và khối chức năng chuyên môn hỗ trợ; có mối quan hệ hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của các khối thông qua các Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các Phòng Nghiệp vụ và Giám đốc các Chi nhánh.

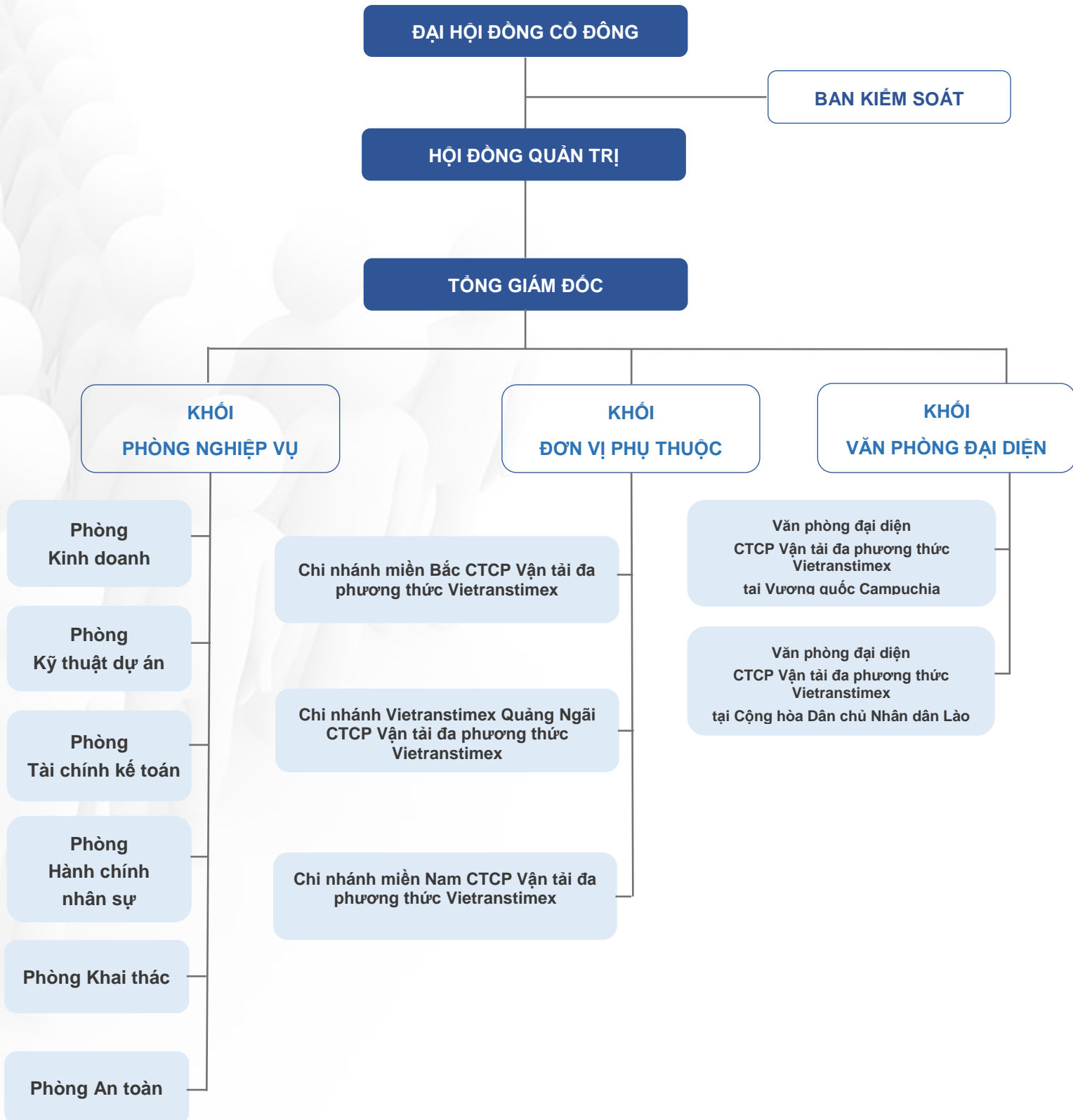
Việc áp dụng mô hình quản trị theo chuẩn mực quốc tế này đã làm tăng cường hiệu quả quản lý, điều hành và nâng cao hiệu quả quản trị của HĐQT đối với Bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị thông qua hệ thống các quy chế quản trị xuyên suốt toàn Công ty về chiến lược, kinh doanh, tài chính, đầu tư, quản lý rủi ro, kiểm soát và chính sách nhân sự.

Nhằm tuân thủ pháp luật hiện hành và nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo quy định pháp luật, Hội đồng quản trị sẽ từng bước thành lập các Tiểu ban chức năng trực thuộc Hội đồng quản trị để nghiên cứu, tham vấn cho Hội đồng quản trị thực hiện công tác định hướng chiến lược, quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, nhân sự cấp cao, chế độ lương thưởng và đầu tư.

Công ty con, công ty liên kết: Không có

Công ty liên doanh: Không có

Sơ đồ tổ chức



Định hướng phát triển

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

- *Sứ mệnh:* “Mang đến cho khách hàng sự an toàn, tin cậy tuyệt đối, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong ngôi nhà chung Vietranstimex, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh”.
- *Tầm nhìn:* “Trở thành một doanh nghiệp vận tải xếp dỡ với công nghệ tiên tiến, quản lý chuyên nghiệp và đổi mới liên tục, toàn diện”.
- *Giá trị cốt lõi:* Đoàn kết, trung thực, sáng tạo.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục theo đuổi chiến lược cạnh tranh hỗn hợp giữa dịch vụ khác biệt và giá cả hợp lý.
- Tập trung vào các khách hàng mục tiêu thuộc các ngành công nghiệp có triển vọng tăng trưởng cao như: xây lắp dầu khí, sản xuất và truyền tải điện, xi măng, hóa chất và giao thông.
- Liên danh với các tập đoàn vận tải hàng đầu trên thế giới có cùng ngành nghề, công nghệ tiên tiến và năng lực mạnh để đấu thầu vận tải trong nước và quốc tế.
- Sử dụng hợp lý đòn bẩy tài chính để đổi mới công nghệ, đầu tư năng lực phương tiện thiết bị vận tải xếp dỡ hàng siêu trường siêu trọng. Tăng cường sử dụng nhà thầu phụ để triển khai các dự án vận chuyển hàng thông thường.
- Phát triển nguồn nhân lực và hệ thống quản trị trở thành năng lực cốt lõi; công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật ứng dụng và công nghệ thực hiện các dịch vụ kỹ thuật vận tải, xếp dỡ và lắp đặt thiết bị siêu trường siêu trọng.
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ qua việc phát triển lĩnh vực lắp đặt thiết bị, logistics nhằm nâng cao giá trị và tầm ảnh hưởng trong lĩnh vực hoạt động của công ty.



Trong đó:

- ♦ Triển khai, phát triển dịch vụ lắp đặt thiết bị cho các dự án trên cơ sở liên kết với các đối tác đang hợp tác kinh doanh với công ty để từng bước học tập kinh nghiệm, đầu tư trang thiết bị, tiến tới đào tạo nguồn nhân lực (cả gián tiếp & trực tiếp) chuyên thực hiện lắp đặt thiết bị cho các dự án.
- ♦ Triển khai các dịch vụ logistics đi kèm dựa vào các đối tác lớn, cổ đông có kinh nghiệm của Công ty trong lĩnh vực này để phát triển. Đây là dịch vụ cốt lõi nhằm tạo nguồn hàng, bảo đảm nguồn doanh thu, công việc làm cho toàn công ty, làm nền tảng để phát triển dịch vụ vận tải hàng siêu trường siêu trọng, hàng dự án.
- ♦ Tiếp tục mở rộng và thâm nhập thị trường các nước trong khu vực và Châu lục sau khi đã thành lập 2 Văn phòng Đại diện tại Lào và Campuchia để đón đầu các dự án tại các nền kinh tế năng động và đang phát triển này.
- ♦ Đầu tư áp dụng công nghệ kỹ thuật cao kết hợp với việc gửi kỹ sư đi đào tạo ở các nước tiên tiến trong việc đột phá vào lĩnh vực mới mà các doanh nghiệp vận tải trong nước chưa có khả năng vươn tới và có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài với chiến lược đi tắt đón đầu sau hội nhập.





Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

✓ Đối với môi trường

- ♦ Tham gia các sự kiện quốc tế: Giờ Trái Đất và Ngày Môi Trường Thế Giới.
- ♦ Giảm thiểu các chuyến đi công tác (trong nước và ngoài nước) để tiết kiệm nhiên liệu, chi phí đi lại và công tác phí.
- ♦ Công ty trang bị các thiết bị hội nghị trực tuyến (online conference) để thực hiện các cuộc họp giao ban nội bộ nhằm giảm thiểu thời gian di chuyển hướng tới mục tiêu tiết kiệm chi phí, năng lượng.
- ♦ Thực hiện các khóa học đào tạo qua các chương trình đào tạo trực tuyến để tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.
- ♦ Cán bộ công nhân viên của Vietranstimex hưởng ứng tham gia các buổi dọn dẹp vệ sinh làm sạch bãi biển, công viên, đường phố theo các chương trình do các tổ chức đoàn thể / chính quyền địa phương nơi đóng quân tổ chức. Đây còn là dịp để tăng thêm sự nhận thức của nhân viên về các hoạt động bảo vệ môi trường.
- ♦ Đồng hành cùng chiến dịch tình nguyện hè đóng góp kinh phí xây dựng cầu bê tông, nhà tình thương, làm đường bê tông... cho các địa phương nghèo.
- ♦ Các hoạt động vệ sinh, làm đẹp mỹ quan khu vực công sở, văn phòng làm việc; các chương trình hành động tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm; chương trình hành động hướng đến bỏ thuốc lá, cấm hút thuốc lá tại văn phòng làm việc nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của thuốc lá đối với sức khỏe của cá nhân và mọi người xung quanh... được tổ chức thường xuyên tại tất cả chi nhánh công ty. Vietranstimex luôn tuyên truyền và khuyến khích toàn thể nhân viên tích cực giảm mức tiêu thụ điện năng và thực hiện những hoạt động thiết thực khác nhằm góp phần bảo vệ môi trường.
- ♦ Đào tạo nhận thức cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty về Hệ thống An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 tại Công ty. Tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ công nhân viên ý thức giữ gìn, bảo vệ vệ sinh môi trường và cảnh quan tự nhiên tại các công trường đang làm việc; giảm thiểu tác động xấu của các loại chất thải, khí thải phát sinh trong quá trình thực hiện công việc vận chuyển, bốc xếp hàng siêu trường siêu trọng tại tất cả các điểm làm hàng bằng các biện pháp như: kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên các phương tiện thiết bị và máy móc của Công ty để giảm thiểu các sự cố rò rỉ dầu máy, nhiên liệu, dầu thủy lực ra môi trường bên ngoài; khi có sự cố rò rỉ dầu các loại cần có biện pháp sửa chữa kịp thời cũng như luôn sẵn sàng bố trí các thiết bị chuyên dụng để thu gom (*khay chứa dầu; tấm hút dầu; phao gom dầu trên mặt nước...*) nhằm phục vụ việc tái sử dụng hoặc có biện pháp tiêu hủy phù hợp; thanh lý và đầu tư mới các phương tiện máy móc quá cũ để giảm thiểu khí thải độc hại thải ra môi trường xung quanh, tiết kiệm tiêu hao nhiên liệu và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn khí thải trong thời đại mới

✓ Đối với xã hội và cộng đồng

Song song với nhiệm vụ kinh doanh, Công ty còn chú trọng đến những lợi ích lâu dài của cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội, các chương trình đóng góp và ủng hộ về vật chất, trách nhiệm cộng đồng và chương trình tài trợ. Những hoạt động xã hội từ thiện sẽ luôn được Ban Tổng Giám đốc và cán bộ công nhân viên công ty tích cực hưởng ứng và sẵn sàng tham gia.

- ♦ Viếng thăm các trung tâm nuôi dưỡng người già, trẻ em mồ côi, tàn tật trong các ngày Lễ, Tết, Giáng Sinh, Trung Thu, Quốc Tế Thiếu Nhi.
- ♦ Quyên góp giúp đỡ đồng bào những khu vực bị thiên tai.
- ♦ Phối hợp, liên kết với các đơn vị trong Khối thi đua của Trung ương, trong khối ngành hoạt động để trao tặng nhà tình thương cho các hộ nghèo.
- ♦ Tham gia các chương trình Hiến máu nhân đạo hàng năm.
- ♦ Hưởng ứng chương trình Nụ cười xuân và Tết trung thu cho trẻ em nghèo do Đoàn cấp trên phát động.
- ♦ Cán bộ công nhân viên trẻ tích cực hưởng ứng chiến dịch tình nguyện hè hàng năm để hỗ trợ đồng bào các vùng nông thôn nghèo sửa đường, nạo vét kênh mương nội đồng, sửa nhà, xây đường bê tông....



Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

CTCP Vận tải đa phương thức Vitranstimex là một doanh nghiệp thuộc ngành vận tải thiết bị siêu trường siêu trọng chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố của nền kinh tế vĩ mô. Một khi những yếu tố này có sự biến động sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, việc phân tích những rủi ro đến từ các yếu tố này là một điều vô cùng quan trọng nhằm có những biện pháp kịp thời thích ứng với nền kinh tế.

- **Tốc độ tăng trưởng GDP:** Công ty chịu ảnh hưởng nhiều từ tốc độ tăng trưởng GDP. Nền kinh tế tăng trưởng, đầu tư công gia tăng, các doanh nghiệp trong nền kinh tế phát triển kéo theo nhu cầu về vận tải, dự án lớn được thực hiện là một nguồn khách hàng tiềm năng của Công ty. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 7,06% so với năm trước là một thuận lợi cho Công ty trong năm vừa qua, cũng là một động lực cho Công ty đặt ra kế hoạch cho năm sắp tới.
- **Lãi suất:** Công ty hoạt động trong lĩnh vực đặc thù đòi hỏi nguồn vốn lớn tài trợ cho các dự án lớn. Một dự án kể từ khi ký hợp đồng đến khi hoàn thành mất nhiều thời gian. Do đó, Công ty cần đến nguồn vốn vay để bổ sung vốn lưu động, thường xuyên của Công ty. Trong năm 2016, lãi suất không có những biến động quá lớn giúp cho việc kiểm soát các khoản chi phí vốn vay của Công ty hiệu quả, các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-7%/năm trong ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, mức lãi suất trong những năm gần đây theo hướng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ là một thuận lợi chung cho những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù như Vietranstimex.
- **Tỷ giá:** Công ty thực hiện giao dịch với các đối tác nước ngoài bằng ngoại tệ như mua sắm, đổi mới, sửa chữa hay bảo trì trang thiết bị chuyên dùng..., nên sự biến động về tỷ giá là một rủi ro cần quan tâm.

Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện. Nhằm tiếp cận sâu vào thị trường thế giới, luật pháp Việt Nam cũng sẽ có những thay đổi để phù hợp với các quy tắc quốc tế. Do đó, việc quản trị Công ty cần được chú trọng theo hướng đổi mới bắt kịp với tình hình trong nước và thế giới.

Rủi ro đặc thù

- **Giá nguyên nhiên liệu:** Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải thì giá nguyên nhiên liệu đầu vào chủ yếu là xăng dầu có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí Công ty. Đây là mặt hàng chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, nhưng lại phụ thuộc lớn vào biến động giá của thế giới. Với 24 lần thay đổi giá xăng dầu trong năm 2016 cho thấy rủi ro đến từ sự biến động này. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến sự biến động giá cả nguyên liệu đầu vào nhằm cân bằng chi phí, có công tác đầu tư phù hợp đảm bảo triển khai các dự án một cách tốt nhất.
- **Rủi ro tín dụng:** Rủi ro này xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Các khoản phải thu khách hàng và hoạt động tài chính luôn được Công ty chú ý nhằm có các biện pháp như: đánh giá các khoản nợ xấu, thiết lập chính sách tín dụng, quản lý công nợ, trích lập dự phòng.
- **Rủi ro nguồn lao động:** Lĩnh vực vận tải thiết bị siêu trường siêu trọng là lĩnh vực kinh doanh đặc thù đòi hỏi năng lực có trình độ chuyên môn cao và chuyên biệt. Nhu cầu của thị trường, chất lượng công việc và những quy tắc về an toàn ngày càng tăng cao, Công ty luôn chú trọng về đào tạo con người nhằm nâng cao tay nghề, hiểu biết chuyên sâu của cán bộ nhân viên trong lĩnh vực mà Công ty đang theo đuổi. Đây cũng là một biện pháp giúp Công ty hoạt động chất lượng, các công việc được hoàn thành đúng tiến độ, vừa là một biện pháp đưa hình ảnh chuyên nghiệp, an toàn đến với khách hàng, đối tác.

Rủi ro khác

Ngoài những nhân tố rủi ro trên, còn có một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh... trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của công ty.



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu theo nhóm sản phẩm

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1. Vận tải và dịch vụ vận tải	579.864	99,0%	427.000	94,7%
- Vận tải ô tô	399.936	68,3%	289.441	64,2%
- Vận tải thủy	5.140	0,9%	1.300	0,3%
- Dịch vụ vận tải	167.672	28,6%	129.004	28,6%
- Xếp dỡ, khai thác kho bãi, cho thuê phương tiện	7.116	1,2%	7.255	1,6%
2. Doanh thu bán hàng	547	0,1%	472	0,1%
3. Doanh thu tài chính	4.175	0,7%	2.838	0,6%
4. Thu nhập khác	1.363	0,2%	20.399	4,5%
Tổng cộng	585.949	100,0%	450.709	100%

Lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	21.230	116,1%	44.649	71,8%
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(3.532)	-19,3%	919	1,5%
Lợi nhuận từ hoạt động khác	582	3,2%	16.586	26,7%
Tổng LN kế toán trước thuế	18.280	100%	62.154	100,0%

Doanh thu năm 2016 tuy có sự chênh lệch so với năm 2015 nhưng lợi nhuận trước thuế năm 2016 tăng đáng kể so với năm 2015 (cụ thể đạt 62.246 tỷ đồng năm 2016) do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ về các giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế dần thoát khỏi lạm phát kéo dài từ các năm trước.
- Các nước duy trì cam kết tài trợ vốn ODA cho Việt Nam nên các dự án công cộng sử dụng nguồn vốn này vẫn tiếp tục được Chính phủ chỉ đạo triển khai thực hiện tạo thêm thị trường cho ngành vận tải.
- Công ty trúng thầu một số dự án lớn, có hiệu quả kinh tế cao như dự án Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, Dự án Nhà máy Thủy điện Sesan 2-Campuchia, dự án đường sắt trên cao tuyến Cát Linh-Hà Đông....
- Các dự án đầu tư từ những năm trước đã phát huy tác dụng, đảm bảo hệ thống phương tiện thiết bị đồng bộ, tăng năng lực sản xuất.





Tổ chức và nhân sự

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
01	Lê Bá Thọ	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
02	Nguyễn Tăng Mãng	Thành viên	Thành viên không điều hành
03	Đặng Doãn Kiên	Thành viên	Thành viên không điều hành
04	Võ Duy Nghi	Thành viên	Thành viên điều hành
05	Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	Thành viên điều hành

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị





Ông Lê Bá Thọ

Họ và tên	Lê Bá Thọ
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	08/06/1981
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh; Cử nhân Kế toán-Kiểm toán
Quá trình công tác: + Từ 2015 đến nay	<ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc tài chính Công ty CP FTG Việt Nam - Từ 15/07/2015: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Kho vận miền Nam - Từ 29/06/2015 – 28/09/2015: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kho vận miền Nam - Từ 29/09/2015: Phó Chủ tịch thường trực Công ty cổ phần Kho vận miền Nam - Từ 26/04/2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Kho vận miền Nam - Phó Chủ tịch thường trực Công ty cổ phần Kho vận miền Nam
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/3/2017):	17.616.750 cổ phần, chiếm 84 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	17.616.750 cổ phần, chiếm 84% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



Ông Nguyễn Tăng Mãng

Họ và tên	Nguyễn Tăng Mãng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	15/02/1963
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ quản lý kinh tế
Quá trình công tác + Từ 1986 đến nay	<ul style="list-style-type: none">- Từ 18/01/1986 đến 31/10/1992: Nhân viên kế toán tổng hợp phòng Kế toán tài vụ Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 01/11/1992 đến 22/09/1996: Phó trưởng phòng Kế toán Tài vụ Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 23/09/1996 đến 13/01/1997: Phó giám đốc phụ trách Chi nhánh Xuất nhập khẩu thuộc Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 14/01/1997 đến 26/10/1997: Phó trưởng phòng Kế toán Tài vụ Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 27/10/1997 đến 29/02/2005: Kế toán trưởng Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 02/04/2006 đến 23/03/2008: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6- Từ 01/03/2005 đến 30/10/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 01/11/2010 đến 04/2015: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức- Từ 05/2015 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/3/2017)	28.279 cổ phần, chiếm 0,13 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu	28.279 cổ phần, chiếm 0,13 % vốn điều lệ



Ông Đặng Doãn Kiên

Họ và tên	Đặng Doãn Kiên
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	06/04/1971
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính
Quá trình công tác + Từ 2013 đến nay	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 06/2013 đến 05/2015: Giám đốc Công ty PwC - Từ 04/2010 đến 12/2012: Đại diện quốc gia Quỹ Đầu tư Aureos - Từ 06/2007 đến 12/2009: Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị Công ty chứng khoán Quốc tế Việt Nam - Từ 11/2004 đến 06/2007: Giám đốc (kiêm thành viên Hội đồng quản trị của hai Công ty cổ phần nhận đầu tư của Quý) - Từ 05/2015 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Giám đốc Công ty PwC
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/3/2017):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.



Ông Võ Duy Nghi

Họ và tên	Võ Duy Nghi
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/04/1968
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ quản lý kinh doanh
Quá trình công tác + Từ 1993 đến nay	<ul style="list-style-type: none">- Từ 09/1993 đến 30/06/1999: Nhân viên phòng Kinh doanh Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 01/07/1999 đến 31/03/2004: Phó phòng kinh doanh Công ty Vận tải đa phương thức kiêm Phó trưởng Ban chỉ đạo điều hành công trình vận chuyển thiết bị nhà máy nhiệt điện Phả Lại II- Từ 01/04/2004 đến 31/03/2008: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 01/04/2008 đến 10/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 11/2010 đến 30/04/2015: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức- Từ 01/05/2015 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/3/2017)	140.124 cổ phần, chiếm: 0,67% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu	140.124 cổ phần, chiếm: 0,67% vốn điều lệ.



Ông Đỗ Hoàng Phương

Họ và tên/n	Đỗ Hoàng Phương
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	29/02/1976
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
Quá trình công tác + Từ 1999 đến nay	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1999 đến 2001: Làm việc tại cảng VICT - Từ 2001 đến 2014: Làm việc tại Công ty CP Gemadept - Từ 20/08/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kho vận miền Nam - Từ 02/2016 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Kho vận miền Nam - Từ 26/04//2016 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kho vận miền Nam - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Kho vận miền Nam
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/3/2017)	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.



Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Phạm Tường Minh	Trưởng ban Kiểm soát
2	Lê Công Minh	Kiểm soát viên

Danh sách thành viên Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Võ Duy Nghi	Tổng Giám đốc
2	Đỗ Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc thường trực
3	Ngô Tứ	Phó Tổng Giám đốc
4	Phan Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc
5	Bùi Thị Ngọc Hà	Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX

“Vững bước dẫn đầu – Nâng tầm cao mới”



Sơ yếu Lý lịch Ban điều hành

Ông Võ Duy Nghi

Đã đề cử ở phần Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Hoàng Phương

Đã đề cử ở phần Hội đồng quản trị



Ông Ngô Tứ

Họ và tên	Ngô Tứ
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	04/08/1960
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí động lực
Quá trình công tác + Từ 1979 đến nay	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 07/1979 đến 08/1991: Bộ đội C21 – E467 – F342 - Từ 09/1981 đến 06/1986: Sinh viên Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng - Từ 03/1987 đến 11/1998: Kỹ sư phòng Kỹ thuật vật tư Công ty Vận tải đa phương thức - Từ 12/1998 đến 12/2000: Phó phòng Kỹ thuật vật tư Công ty Vận tải đa phương thức - Từ 01/01/2001 đến 15/07/2008: Trưởng phòng Kỹ thuật vật tư Công ty Vận tải đa phương thức - Từ 16/07/2008 đến 30/10/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức - Từ 19/02/2004 đến 30/10/2010: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Vận tải đa phương thức - Từ 01/11/2010 đến nay Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex.
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/3/2017)	25.699 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ



Ông Phan Văn Phúc

Họ và tên	Phan Văn Phúc
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	30/07/1970
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Kế toán
Quá trình công tác + Từ 1993 đến nay	<ul style="list-style-type: none">- Từ 03/1993 đến 03/1996: Nhân viên phòng Kế toán Tài vụ Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 04/1996 đến 01/1997: Kế toán trưởng Chi nhánh Hà Nội thuộc Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 02/1997 đến 06/1999: Nhân viên phòng Kế toán Tài vụ Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 07/1999 đến 02/2005: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 03/2005 đến 10/2010: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Vận tải đa phương thức- Từ 11/2010 đến 15/11/2012: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức- Từ 16/11/2012 đến 24/03/2013: Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức- Từ 25/03/2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 15/3/2017)	22.051 cổ phần, chiếm: 0,11% vốn điều lệ



Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2016

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lê Bá Thọ	Chủ tịch HĐQT	26/04/2016	
2	Đỗ Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	26/04/2016	
	Đỗ Hoàng Phương	Phó Tổng giám đốc thường trực	26/04/2016	
3	Đình Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	01/05/2016	26/04/2016
4	Hoàng Tuấn	Thành viên HĐQT	03/08/2012	26/04/2016
5	Phạm Tường Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	01/09/2016	
6	Lê Công Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	26/04/2016	
7	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	01/11/2010	01/09/2016
8	Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	01/05/2015	26/04/2016
9	Châu Hoài Thanh	Thành viên Ban Kiểm soát	01/11/2010	26/04/2016
10	Trần Nguyên Giáp	Phó Tổng giám đốc	16/11/2012	15/11/2016

Chính sách nhân sự

- Thực hiện các công việc liên quan đến công tác nhân sự - tiền lương theo phân cấp.
- Phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến công tác tái cấu trúc công ty: Thực hiện thủ tục để đổi tên Công ty và các chi nhánh; Thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động đối với các đơn vị phụ thuộc hoạt động không hiệu quả; Sắp xếp, bố trí lại lao động toàn Công ty theo phương án tái cấu trúc; Tham mưu, đề xuất HĐQT và Ban TGD thông qua thang bảng lương mới sau tái cấu trúc; Thực hiện các thủ tục miễn nhiệm, bổ nhiệm và chấm dứt hợp đồng lao động theo sự phê duyệt của Ban TGD và HĐQT; Dự thảo nội dung ký lại HĐLĐ, hợp đồng trách nhiệm dân sự (nếu có) đối với toàn bộ người lao động; Bổ sung, sửa đổi và ban hành các bộ quy chế mới: Quản lý điều hành SXKD, Quản trị nội bộ; ...
- Duy trì và đảm bảo tính pháp lý đối với hoạt động của Công ty và các đơn vị phụ thuộc: thực hiện thủ tục điều chỉnh / bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh trên giấy đăng ký kinh doanh; khắc đổi và đăng ký lại dấu công ty, chi nhánh khi có sự thay đổi về thông tin đăng ký; duy trì tư cách thành viên đối với các hiệp hội Vận tải Ô Tô Việt Nam, VLA, SC&RA, FIATA...; theo dõi và đảm bảo hiệu lực sử dụng của các giấy phép nghiệp vụ của Công ty; Thông báo chấm dứt hoạt động đối với các đơn vị phụ thuộc...
- Tổ chức Hội nghị người lao động năm 2016.

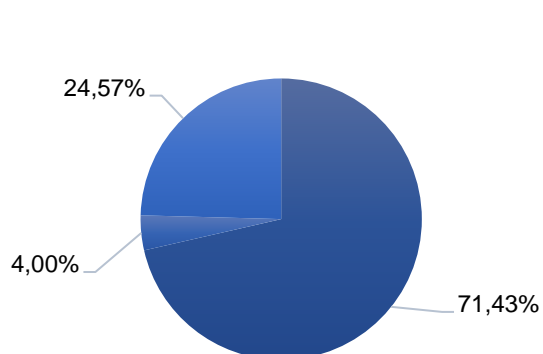


Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Thu nhập bình quân	8.350	10.899	12.022
Số lượng người lao động (Người)	455	454	350

Số lượng cán bộ công nhân viên

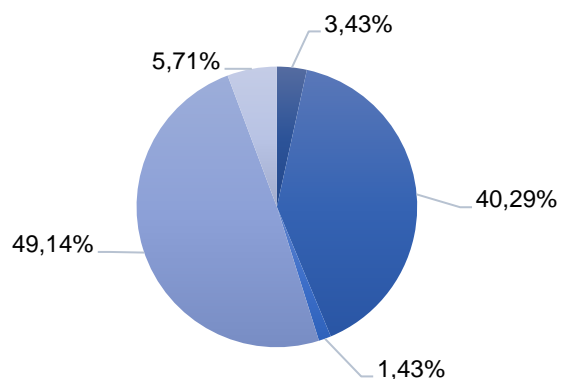
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	350	100,00%
1	Trên đại học	12	3,43%
2	Đại học, Cao đẳng	141	40,29%
3	Trung cấp	5	1,43%
4	CNKT	172	49,14%
5	Khác	20	5,71%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	350	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	250	71,43%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	14	4,00%
3	Hợp đồng theo thời vụ	86	24,57%

Theo tính chất hợp LĐ



- Hợp đồng có xác định thời hạn
- Hợp đồng không xác định thời hạn
- Hợp đồng theo thời vụ

Theo trình độ



- Trên đại học
- Đại học, Cao đẳng
- Trung cấp
- CNKT
- Khác



Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án



Vận chuyển và bàn giao 5 kiện Feed Heater Water tại dự án NM Nhiệt điện Mông Dương 1



Tiếp nhận, vận chuyển và bàn giao 20 kiện hàng STST từ Cảng Sơn Dương đến công trường Dự án Formosa Hà Tĩnh



Vận chuyển và hạ thủy thành công kiện Topside ST-LQ nặng ~2.600 tấn từ vị trí chế tạo xưởng sà lan tại Cảng PVC-MS, Vũng Tàu.



vận chuyển và bàn giao 222 kiện ống thép siêu trường từ cảng đến công trường dự án Formosa, Hà Tĩnh



Vận chuyển và bàn giao 07 kiện hàng STST cuối cùng thuộc Hợp đồng vận chuyển 119 kiện của Xưởng luyện thép tại Dự án Formosa Hà Tĩnh đã ký



Vận chuyển và bàn giao toàn bộ 03 thân máy biến áp nặng 115 tấn/máy từ Trạm biến áp 500KV Thường Tín, Hà Nội đến trạm biến áp 500KV Thạnh Mỹ, Tỉnh Quảng Nam.



Di dời và hạ thủy thành công kiện Jacket RC9 (nặng 950 tấn; kích thước: D.52 x R.25 x C.22m) từ vị trí chế tạo xưởng sà lan tại Cảng VietSovpetro – Thành phố Vũng Tàu.



Vận chuyển thân máy biến áp nặng 140 tấn từ Công ty CP Chế tạo thiết bị điện Đông Anh, Hà Nội đến trạm 220KV Krông Buk – Tỉnh Đắk Lắk.



Tình hình tài chính

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Tổng giá trị tài sản	346.540.056.380	352.037.926.535
Tổng doanh thu	585.949.812.383	450.708.600.882
- Doanh thu SXKD	580.411.232.044	427.472.461.591
- Doanh thu tài chính và TN khác	5.538.580.339	23.236.139.291
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17.698.055.430	45.568.259.501
Lợi nhuận khác	582.433.049	16.586.259.482
Lợi nhuận trước thuế	18.280.488.479	62.154.518.983
Lợi nhuận sau thuế	18.280.488.479	48.869.541.488
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	828	2.330

Năm 2016, năm đầu tiên cả nước thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo và đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Nguyên nhân điển hình phức tạp của thời tiết, biến đổi khí hậu, bão lũ và sự cố môi trường biển tại các tỉnh miền Trung, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất cũng như tiến độ thực hiện của các dự án xây dựng, vận tải.

Trước bối cảnh đó, Doanh thu năm 2016 của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức VIETRANSTIMEX tuy chỉ đạt 450,7 tỷ đồng nhưng lợi nhuận sau thuế tăng đáng kể, đạt 48,87 tỷ đồng năm 2016 (tăng 30,59 tỷ đồng so với năm 2015). Đồng thời lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng từ 828 đồng/cổ phiếu lên 2.330 đồng/ cổ phiếu.

Bên cạnh đó, Tổng tài sản năm 2016 đạt 352,07 tỷ đồng (tăng 53.646 triệu đồng do đầu tư mua sắm)

Trong đó

Phương tiện vận tải	53.048 triệu đồng
Máy móc thiết bị	253 triệu đồng
Công cụ dụng cụ quản lý	34 triệu đồng
Phần mềm quản lý	311 triệu đồng

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

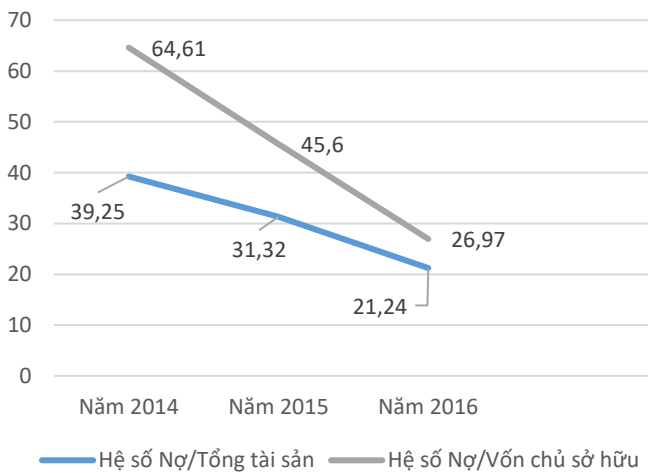
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,78	2,58
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,61	2,45
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	31,32	21,24
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	45,60	26,97
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	17,46	25,83
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,59	1,24
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,15	11,43
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,75	18,97
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,00	14,17
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,05	10,66



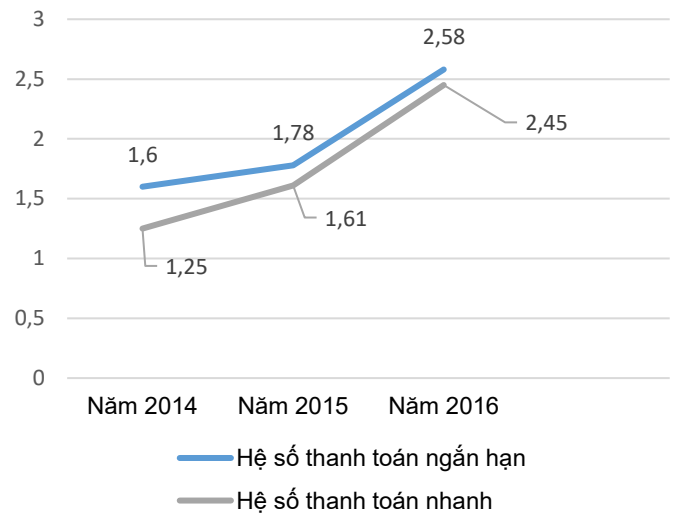


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

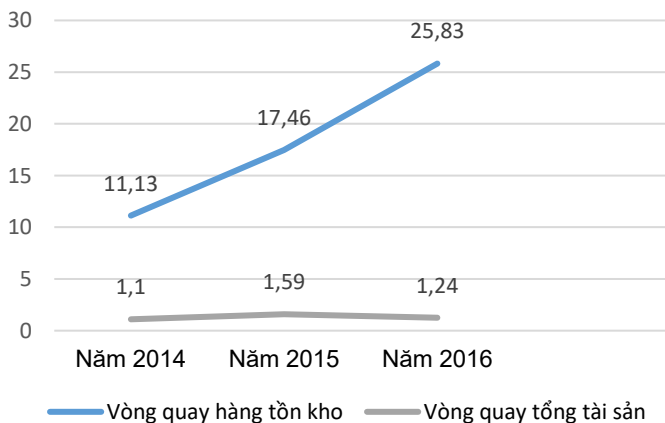
Cơ cấu vốn



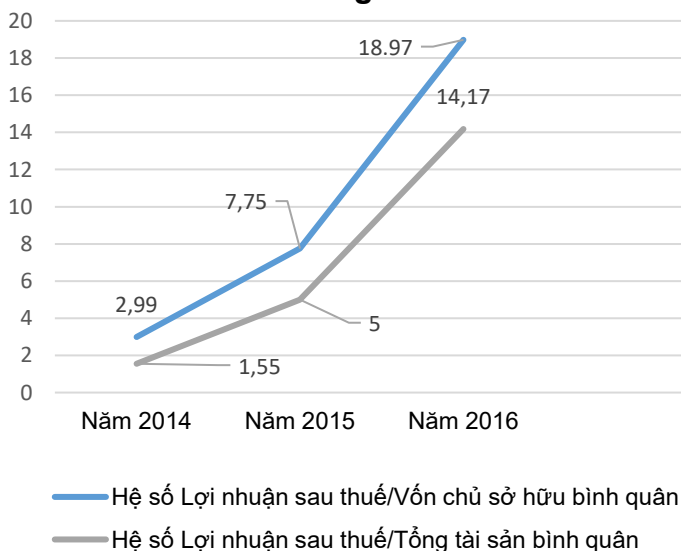
Khả năng thanh toán



Năng lực hoạt động



Khả năng sinh lời



Nhìn chung các chỉ số về tình hình tài chính của Công ty năm 2016 đều chuyển biến theo chiều hướng tích cực hơn nhiều so với năm 2015.

Về khả năng thanh toán, cả hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều tăng đáng kể so với năm trước, lần lượt đạt 2,58 và 2,45, chứng tỏ khả năng hoàn trả được hết các khoản nợ của Công ty ngày càng cao. Nguyên nhân là do tài sản ngắn hạn trong năm tăng mà nợ ngắn hạn lại giảm.

Năm 2016, tổng nợ phải trả giảm đáng kể từ 108,5 tỷ đồng xuống còn 74,77 tỷ đồng. Vì vậy hệ số Nợ/Tổng tài sản của Công ty đã giảm từ 31,31% xuống còn 21,22% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 45,60% xuống còn 26,94%.

Về năng lực hoạt động, chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 17,46 vòng trong năm 2015 lên 25,83 vòng trong năm 2016. Điều này cho thấy công tác quản trị hàng tồn kho của VTX ngày càng đạt hiệu quả cao. Vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,59 vòng năm 2015 xuống 1,24 vòng năm 2016 phản ánh sự cấp thiết của một chiến lược mới trong công tác sử dụng tài sản vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2016 đều tăng mạnh so với năm trước đó chứng tỏ sự hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm, đặc biệt là hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần chuyển từ 3,05% năm 2015 lên 10,66% năm 2016. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 3,15% lên 11,43% trong năm qua. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 7,75% năm 2015 lên 18,97% năm 2016 và hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân tăng từ 5,00% lên 14,17% trong năm tài chính qua.

Nguyên nhân là do Lợi nhuận sau thuế năm 2016 tăng đáng kể so với năm 2015, từ 18,28 tỷ đồng trong năm 2015 lên 48,87 tỷ đồng trong năm 2016.



Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: : 20.972.321 cổ phiếu

- **Số lượng CP đang lưu hành:** 20.972.321 cổ phiếu
- **Số lượng CP quỹ:** 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.



Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 13/05/2017)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông nội bộ	-	-	-
II	Cổ đông trong nước	20.972.321	209.723.210.000	100%
1	Cá nhân	1.967.020	19.670.200.000	9,38%
2	Tổ chức	19.005.301	190.053.010.000	90,62%
III	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	Cá nhân	-	-	-
	Tổ chức	-	-	-
	Tổng cộng	20.972.321	209.723.210.000	100%





Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường

Các loại chất thải phát sinh

Khí thải: Toàn bộ các khí thải phát sinh của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh từ nguồn phương tiện vận chuyển, các phương tiện vận chuyển của Công ty được Đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng theo qui định và đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường(theo tiêu chuẩn Euro 2).

Nước thải: Nước thải tại Công ty chỉ là nước thải sinh hoạt thông thường .

Chất thải: Chất thải tại Công ty chỉ là chất thải sinh hoạt thông thường và được thu gom từ Công Ty vệ sinh môi trường.

Môi trường làm việc

Công ty thực hiện việc quan trắc môi trường làm việc định kỳ 01 năm / lần theo nghị định 44/2016/NĐ-CP.

Đơn vị quan trắc môi trường lao động : Phân viện BHLĐ và bảo vệ môi trường miền trung

Thời gian đo : Ngày 8/11/2016

Kết quả : Báo cáo kết quả thực hiện quan trắc môi trường lao động số 515 ngày 11/11/2016.



Báo cáo tác động đến người lao động

Cư dân địa phương cũng là một đối tượng đáng quan tâm trong hoạt động của Công ty. Các vấn đề mà dân cư quan tâm là cơ hội việc làm ổn định, các hoạt động làm ô nhiễm môi trường (chất thải, khói bụi, tiếng ồn). Đồng thời cũng quan tâm tác động đến đời sống, sinh hoạt, tinh thần của cư dân thông qua việc tham gia vào các chương trình : văn hóa, thể thao, xã hội và từ thiện tại địa phương nơi Công ty đóng quân.

Công ty thực hiện công tác quan hệ với cư dân địa phương luôn mang tính phù hợp và mang lợi ích ích cho cả hai bên.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX
“Vững bước dẫn đầu – Nâng tầm cao mới”



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Tình hình tài chính



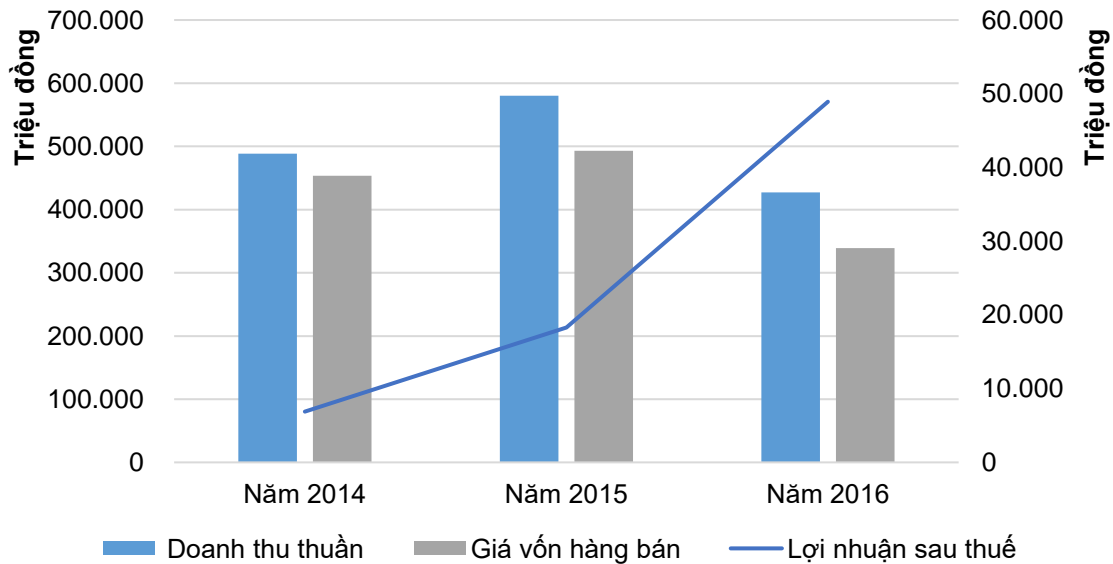


Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% 2016/2015
Tổng giá trị tài sản	346.540.056.380	352.037.926.535	104,27%
Doanh thu thuần	580.411.232.044	427.472.461.591	73,64%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.698.055.430	45.568.259.501	257,48%
Lợi nhuận khác	582.433.049	16.586.259.482	2847,75%
Lợi nhuận trước thuế	18.280.488.479	62.154.518.983	340,00%
Lợi nhuận sau thuế	18.280.488.479	48.869.541.488	267,33%

Hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm



Kết quả hoạt động năm 2016 trong công tác lãnh đạo, quản lý và điều hành

Khai thác tiếp thị

Năm 2016, ngoài dự án NM lọc hóa dầu Nghi Sơn và Khu liên hợp gang thép Formosa Hà Tĩnh chuyển sang từ năm trước, Công ty đã thực hiện một số công trình trọng điểm sau:

Các dự án nhà máy nhiệt điện: Mông Dương 1 và Thăng Long, Quảng Ninh; nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 – Sóc Trăng.

- Các dự án BXVC máy biến áp cho các trạm biến áp trên toàn quốc:
- + Trạm 110kV: Xuân Hà, An Đồn- Đà Nẵng, Sông Gianh – Quảng Bình....
- + Trạm 220kV: Krông Buk, Huế, Cao Lãnh, Vĩnh Long, Bến Tre, Hàm Tân, Cao Lãnh, Yên Bái, Thanh Hóa, Ngũ Hành Sơn, Hòa Khánh, Sơn Hà, Quảng Ninh, Vĩnh Yên, Sóc Trăng, Vĩnh Lộc, Hoàn Bồ - Quảng Ninh, Bảo Lâm – Cao Bằng, Kiên Bình – Kiên Giang, Thác Mơ....
- + Trạm 500kV: Sơn La, Đà Nẵng, Pleiku 2, Thạnh Mỹ, Hà Tĩnh, Phú Lâm, Thường Tín, Hiệp Hòa ..
- Các công trình hạ thủy và di dời các cấu kiện STST: Vận chuyển và hạ thủy các cấu kiện dầu khí tại cảng VietsovPetro, Cảng PTSCV và Cảng PVC-MS tại Vũng Tàu; Di dời, hạ thủy các cần cầu giàn container các loại tại cảng Tiên Sa – Đà Nẵng, các cảng thành phố HCM, Cảng Hải Phòng, Cảng Cam Ranh...vv
- Cho thuê các thiết bị bốc xếp mà Công ty đang sở hữu hoặc liên kết khai thác như: Krupp 70-120 tấn, các loại xe nâng và cầu bánh xích 200 tấn.
- Các công trình nhỏ lẻ khác: Vận chuyển 07 kiện hàng siêu trường từ KCN Bắc Ninh đến nhà máy Xekaman 1, Lào; Vận chuyển 01 kiện Rotor từ nhà máy điện Phú Mỹ 3 đến cảng Phú Mỹ; Vận chuyển máy ép nặng 116 tấn từ cảng Hồ Chí Minh đến khu công nghiệp Mỹ Phước 1, Bình Dương; Vận chuyển 01 kiện Rotor nặng 84 tấn và phụ kiện kèm theo từ cảng Hoàng Diệu, Hải Phòng đến nhà máy nhiệt điện Vũng Áng, Hà Tĩnh; Trung chuyển 05 kiện nặng từ 62 - 79 tấn/kiện từ bến vào bộ chính nhà máy thủy điện Mông Dương 1, đưa các kiện cũ ra ngoài; Vận chuyển 04 kiện hàng tại Đông Xuyên; Bốc xếp, vận chuyển máy khoan Đa Nhim; Vận chuyển cọc bê tông ly tâm Cảng Tiên Sa – Quảng Nam; Vận chuyển hàng rời, hàng cont cho các chủ hàng khác trên cả nước.
- Các đơn vị phụ thuộc ngoài việc phối hợp với công ty thực hiện các dự án lớn như NM lọc hóa dầu Nghi Sơn, Khu liên hợp gang thép Formosa, Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1 và thực hiện các công trình do Công ty giao, còn thực hiện vận chuyển, cung ứng dịch vụ bốc xếp và vận chuyển, làm thủ tục thông quan hàng hóa xuất/nhập khẩu cho các chủ hàng có lượng hàng thường xuyên, ổn định như: HDEC, CRI, Tatsumi, Hyundai, OST, Gutor, Công ty Tân Phú Quý, Posco, Metro, Cầu Vàm Cống, Genco 3, Thủy điện Thác Mơ, Nhà máy thủy điện Sê San 2, Vinakyoiei và các chủ hàng khác ..v..v..
- Ngoài các dự án đã trúng thầu, đang thực hiện, bộ phận tiếp thị cũng đã nắm bắt thông tin, tiếp cận chủ hàng, phối hợp với bộ phận KTDA khảo sát, xây dựng phương án dự thầu các dự án như: nhà máy nhiệt điện Thăng Long; Nhà máy nhiệt điện Hải Dương; Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2; Nhiệt điện Vũng Áng 2; Nhiệt điện Long Phú 1; ND Sông Hậu 1; Nhà máy lọc dầu Long Sơn; Vận chuyển và hạ thủy các kiện ống, Topside và Jacket của các chủ hàng PTSC, Vietsovpetro, PVC-MS tại Vũng Tàu; các dự án năng lượng ở Lào, Myanmar...và tham gia đấu thầu các công trình vận chuyển, bốc xếp các MBA Trạm 220kV, Trạm 500kV trong phạm vi cả nước.

Kỹ thuật

Đối với công tác kỹ thuật vật tư, sửa chữa bảo dưỡng phương tiện:

Chỉ đạo tập trung công tác quản lý kỹ thuật vật tư đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh tại mọi thời điểm. Đồng thời, thực hiện giám sát công tác kỹ thuật vật tư, BDSC phương tiện đối với Phòng Khai thác và các Chi nhánh, cụ thể:

- Chỉ đạo, giám sát công tác bảo dưỡng, sửa chữa PTTB (định kỳ và đột xuất) phục vụ sản xuất theo kế hoạch.
- Lập báo cáo định kỳ từng tháng đối với cầu bánh xích KH1000 (200 tấn) và cầu LR1550 (550 tấn) để báo cáo NEC. Bảo dưỡng theo định kỳ theo số giờ hoạt động quy định.
- Triển khai mua sắm phụ tùng thay thế cho các PTTB cần sửa chữa.
- Kiểm tra, phê duyệt nghiệm thu dự toán chi phí BDSC các PTTB của Công ty.

Công tác xây dựng phương án kỹ thuật (PAKT) và tham gia giám sát quá trình thực hiện:

- Triển khai xây dựng phương án kỹ thuật (PAKT) cho các công trình trọng điểm đã trúng thầu và giám sát chỉ đạo kỹ thuật thực hiện tại một số công trình/lô hàng nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- Khảo sát, lập PAKT sơ bộ phục vụ chào giá / đấu thầu các công trình theo yêu cầu của công tác tiếp thị / đấu thầu.
- Xin giấy phép cho các công trình BXVC Máy biến áp và hàng STST theo quy định.

Công tác đầu tư và thanh lý phương tiện, thiết bị:

Phối hợp thực hiện các dự án đầu tư / thanh lý của Công ty. Làm thủ tục bàn giao hồ sơ quản lý cho các đơn vị sử dụng. Tham mưu ban hành các quyết định tăng / giảm tài sản.

Công tác quản lý:

- Phối hợp thực hiện công tác kiểm kê tài sản định kỳ của Công ty và kiểm kê phục vụ bàn giao tài sản theo thực tế tại các Chi nhánh sau tái cấu trúc. Tham mưu cho TGD ra quyết định bàn giao các phương tiện cho các Chi nhánh tự quản lý, khai thác chịu khấu hao tài sản.
- Lập hồ sơ mời chào giá cạnh tranh và chọn nhà cung ứng đối với các vật tư phụ tùng phục vụ sửa chữa; dịch vụ bảo hiểm cho các PTTB; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị, công cụ dụng cụ tại các chi nhánh.... Tham mưu cho TGD ký hợp đồng nguyên tắc, HĐ cung cấp dịch vụ với các đơn vị được chọn.
- Xây dựng các quy trình QHSE theo phân cấp, các định mức kinh tế kỹ thuật và các quy định, biểu mẫu quản lý liên quan đến công tác kỹ thuật vật tư.

Tổ chức, nhân sự, lao động và tiền lương:

- Thực hiện các công việc liên quan đến công tác nhân sự - tiền lương theo phân cấp.
- Phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến công tác tái cấu trúc công ty: Thực hiện thủ tục để đổi tên Công ty và các chi nhánh; Thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động đối với các đơn vị phụ thuộc hoạt động không hiệu quả; Sắp xếp, bố trí lại lao động toàn Công ty theo phương án tái cấu trúc; Tham mưu, đề xuất HĐQT và Ban TGD thông qua thang bảng lương mới sau tái cấu trúc; Thực hiện các thủ tục miễn nhiệm, bổ nhiệm và chấm dứt hợp đồng lao động theo sự phê duyệt của Ban TGD và HĐQT; Dự thảo nội dung ký lại HĐLĐ, hợp đồng trách nhiệm dân sự (nếu có) đối với toàn bộ người lao động; Bổ sung, sửa đổi và ban hành các bộ quy chế mới: Quản lý điều hành SXKD, Quản trị nội bộ; ...
- Duy trì và đảm bảo tính pháp lý đối với hoạt động của Công ty và các đơn vị phụ thuộc: thực hiện thủ tục điều chỉnh / bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh trên giấy đăng ký kinh doanh; khắc đổi và đăng ký lại dấu công ty, chi nhánh khi có sự thay đổi về thông tin đăng ký; duy trì tư cách thành viên đối với các hiệp hội Vận tải Ô Tô Việt Nam, VLA, SC&RA, FIATA...; theo dõi và đảm bảo hiệu lực sử dụng của các giấy phép nghiệp vụ của Công ty; Thông báo chấm dứt hoạt động đối với các đơn vị phụ thuộc...
- Tổ chức Hội nghị người lao động năm 2016.

Tài chính, kế toán:

- Thực hiện quyết toán tài chính, kiểm toán độc lập, phát hành BCTC và công bố thông tin BCTC quý / bán niên / năm theo quy định;
- kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế GTGT, TNDN, TNCN, môn bài, thuế đất và các loại thuế khác theo quy định của luật thuế; Đối chiếu, xác nhận nghĩa vụ NSNN với cục thuế địa phương;
- Phân phối lợi nhuận, chi cổ tức, tạm ứng cổ tức theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2016;
- Kiểm tra đánh giá tình hình nợ phải thu tại Công ty 7, tình hình thực hiện hợp đồng tại Công ty 7 và Công ty 1;
- Thực hiện thủ tục bàn giao tài sản- CCDC cho Xưởng CKSC (tại 01/01/2016), nhận bàn giao từ Xưởng CKSC và Công ty 9 (tại 31/08/2016), nhận bàn giao Công ty 1, Công ty 2 sau chấm dứt hoạt động (tại 31/12/2016)
- Cung cấp số liệu, tài liệu cho SSI, PKF, E&Y phục vụ kiểm toán và định giá doanh nghiệp theo chỉ đạo từ Công ty mẹ Sotrans;
- Cơ cấu, rà soát lại các tài sản đang thế chấp tại ngân hàng, rút bớt tài sản đang thế chấp tại các ngân hàng ít có quan hệ tín dụng.

- Công tác khởi kiện, thu hồi công nợ:

- + Gửi hồ sơ khởi kiện 2 khách hàng: Công ty TNHH Sơn Tùng (Công ty 2), Công ty tái tạo năng lượng (Công ty);
- + Khởi kiện thành công và đề nghị thi hành án khách hàng: Công ty CP Trường Sơn, Công ty Đại Trường Phát (Công ty 2), Công ty vận tải thủy Trường Giang, Công ty hàng hải Tam Đảo (Công ty 7), Công ty phát triển Huy Phát, Công ty CP Lisemco 3, Công ty CP Cảng Ninh Bình, Công ty CP xây lắp đường ống bể chứa dầu khí (Công ty);
- + Khởi kiện và thu nợ thành công một số khách hàng nợ dây dưa, kéo dài. Kết quả đã thu nợ được 3,3 tỷ bao gồm Công ty CP Lisemco 3 (2,3 tỷ); Công ty CP xây lắp đường ống bể chứa dầu khí (300 triệu), Công ty phát triển Huy Phát (50 triệu), Công ty CP Cảng Ninh Bình (32 triệu).

Công tác khác:

- Thực hiện đầy đủ và đúng quy định việc công bố thông tin chứng khoán, quản lý cổ đông, lưu ký chứng khoán...
- Theo dõi, giám sát và thực hiện: công tác bảo hiểm cháy nổ tài sản Công ty; công tác xây dựng cơ bản; công tác mời chào đấu giá quyền sử dụng tài sản của Công ty; đầu tư trang thiết bị văn phòng cần thiết...
- Duy trì và không ngừng hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007, tiến tới xây dựng hệ thống quản lý tích hợp QHSE.



Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục và bài học kinh nghiệm

Tồn tại hạn chế cần khắc phục

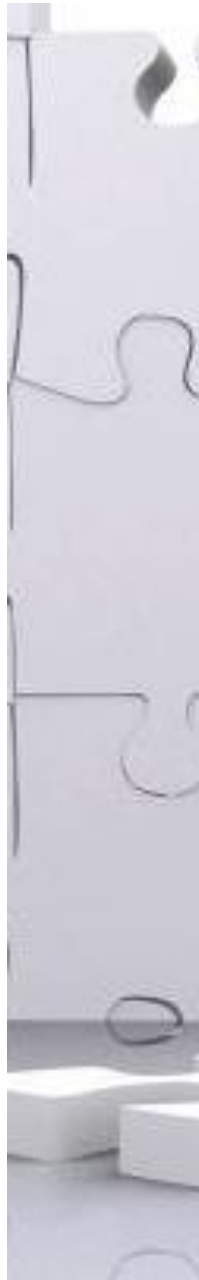
Năm 2016, mặc dù Công ty đã đạt được những kết quả tốt so với tình hình khó khăn chung song với tinh thần không ngừng tiếp thu để cải thiện và trách nhiệm cao trước các cổ đông, Ban điều hành nghiêm túc kiểm điểm trước đại hội những tồn tại, khuyết điểm, hạn chế như sau :

- 1- Chưa có phương án linh hoạt để giải quyết hợp lý, hợp lệ chi phí tiếp thị nhằm cạnh tranh có hiệu quả với các đối thủ cạnh tranh.
- 2- Chưa thực sự linh động trong các giải pháp xử lý phương án vận tải và phối hợp với các cơ quan chức năng để có giải pháp vận tải tối ưu nhất, giảm chi phí thực hiện và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- 3- Việc khai thác, sử dụng phương tiện, thiết bị chưa được tính toán hiệu quả, hợp lý.
- 4- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa chậm, kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động SXKD.
- 5- Đội ngũ cán bộ chuyên môn chất lượng cao còn mỏng, trình độ chuyên môn còn thiếu cân bằng giữa các bộ phận nghiệp vụ.
- 6- Biểu hiện chủ nghĩa cá nhân, tính bảo thủ, thiếu cầu thị, tự ái cá nhân, đùn đẩy trách nhiệm còn tồn tại, chậm khắc phục trong một bộ phận không nhỏ người lao động Công ty, kể cả một số vị trí lãnh đạo.

Bài học kinh nghiệm

- 1- Tập trung thực hiện các giải pháp quản trị về nhân lực, quản lý sản xuất, ứng dụng các chương trình quản lý đồng bộ để mang lại hiệu quả cao trong quản lý và điều hành SXKD.
- 2- Cân đối nguồn lực để thanh lý, đầu tư hợp lý nhằm đổi mới phương tiện, cơ sở hạ tầng kho bãi để nâng cao năng lực cạnh tranh.
- 3- Tạo cơ chế ưu đãi tuyển dụng, đào tạo và phát triển lực lượng cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, công nhân lành nghề nhằm bảo đảm nguồn nhân lực cho phát triển sản xuất.
- 4- Phát huy chủ động tìm nguồn cung ứng vật tư phụ tùng nhanh và có chất lượng, tính toán lượng phụ tùng cần thiết tồn kho hợp lý nhằm giảm tối đa vốn hàng tồn kho, để tăng số ngày vận doanh, hạn chế ngày phương tiện nằm chờ phụ tùng, sửa chữa.

Coi trọng công tác thi đua khen thưởng, động viên kịp thời những cá nhân có thành tích xuất sắc, không ngừng chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động và tăng cường công tác nắm bắt diễn biến tư tưởng của người lao động để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời. Đồng thời kiên quyết đấu tranh với những trường hợp cá nhân vi phạm nội quy, quy chế, giữ vững kỷ cương, kỷ luật lao động.





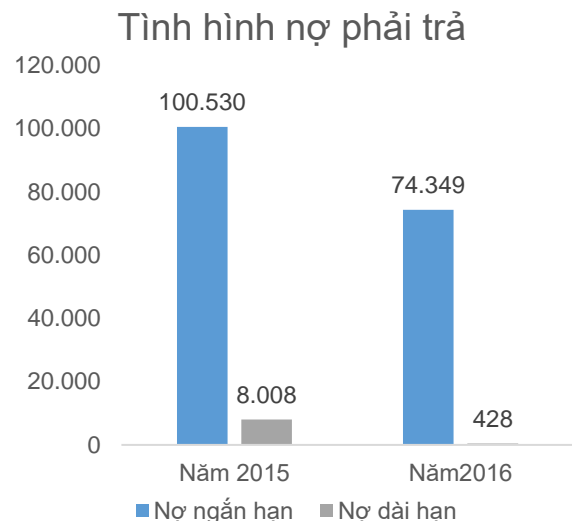
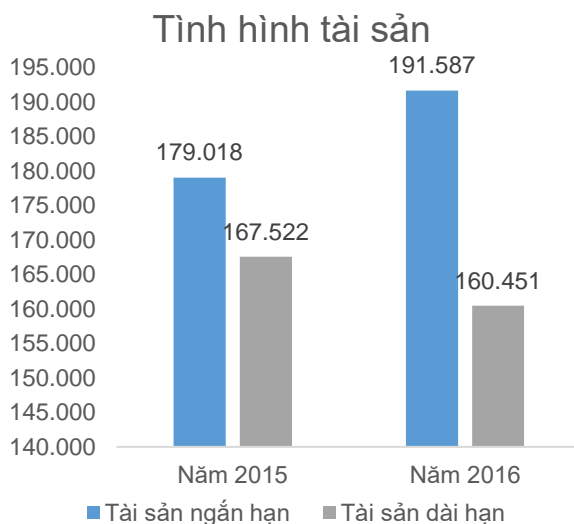


Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016
Tài sản ngắn hạn	179.018	191.587	51,66%	54,43%
Tài sản dài hạn	167.522	160.451	48,34%	45,57%
Tổng tài sản	346.540	352.038	100%	100%



Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016
Nợ ngắn hạn	100.530	74.349	92,62%	99,43%
Nợ dài hạn	8.008	428	7,38%	0,57%
Tổng nợ phải trả	108.538	74.776	100%	100%

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Về cải cách cơ cấu tổ chức

Năm 2016 là năm chứng kiến nhiều thay đổi mang tính bước ngoặt đối với cơ cấu tổ chức của Vietranstimex.

1. Nhân sự HĐQT:

Việc SCIC thoái hết vốn tại Công ty CP Vận tải đa phương thức Vietranstimex đã cơ bản làm thay đổi thành phần của HĐQT Công ty. Chức danh chủ tịch HĐQT trước đây do Bộ GTVT chỉ định (thời kỳ trước khi SCIC thoái vốn) và do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước SCIC (đơn vị nắm phần vốn chi phối của doanh nghiệp) chỉ định thì hiện nay chức danh này được Cổ đông lớn nắm cổ phần chi phối (Công ty CP Kho vận miền Nam SOTRANS) quyết định. Thay đổi này làm cho quá trình tương tác giữa Ban điều hành và HĐQT Công ty được thực hiện một cách nhanh chóng hơn, thuận lợi hơn góp phần xử lý nhanh chóng các sự vụ có tính chất quan trọng đối với quá trình điều hành các hoạt động SXKD cũng như sớm thống nhất các biện pháp, chiến lược phát triển mang tính đột xuất hoặc dài hạn của toàn Công ty.

2. Mô hình tổ chức Công ty:

Từ chỗ là một đơn vị có bộ máy tổ chức dàn trải khắp cả nước với bộ máy nhân sự công kênh dẫn đến thực tế là khoảng cách giữa người phê duyệt đến người thực thi cuối cùng quá xa làm ảnh hưởng đến thời gian xử lý, tính linh hoạt và chủ động trong việc xử lý các sự vụ trong quá trình điều hành sản xuất và chi phí nhân công tiền lương hàng năm quá lớn gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty thì đến nay, sau một thời gian tiến hành công cuộc tái cấu trúc Công ty, bộ máy tổ chức điều hành của Vietranstimex đã được tinh giản gọn nhẹ với 01 trụ sở chính 02 chi nhánh đặt tại 03 thành phố lớn của cả nước là Đà Nẵng, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Nhân sự của các chi nhánh và phòng ban nghiệp vụ đã được tổ chức, sắp xếp lại theo phương châm “gọn – chuyên – hợp lý”.

Việc thay đổi mô hình tổ chức cùng với việc ủy quyền và phân quyền rõ ràng cho người đứng đầu các chi nhánh tại miền Bắc và miền Nam đã ngay lập tức chứng tỏ tính đúng đắn và hiệu quả đối với hoạt động SXKD toàn Công ty. Các chi nhánh, phòng ban nghiệp vụ đã thực sự có sự chủ động và linh hoạt trong quá trình phối hợp hoặc tự tổ chức các hoạt động sản xuất của mình để nhanh chóng và kịp thời đáp ứng các yêu cầu của khách hàng, dần hoàn thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ có thể mạnh trên thị trường. Bên cạnh đó, thu nhập của người lao động của Công ty đã được cải thiện và sát với năng lực chuyên môn, hiệu quả công việc hơn so với trước đây.

3. Thay đổi tên gọi của Công ty:

“Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức” là tên gọi rất phổ biến và quen thuộc đối với nhiều khách hàng trong và ngoài nước trong, lĩnh vực vận tải và bốc xếp hàng nặng, hàng dự án và thiết bị toàn bộ. Tuy nhiên, trong bối cảnh các đối thủ cũ không ngừng mạnh lên và các đối thủ mới luôn sử dụng cụm từ “Vận tải đa phương thức” cho tên gọi của mình thì việc xác định một tên gọi mang tính đặc thù, riêng biệt để khách hàng có thể phân biệt giữa Vietranstimex và các đơn vị khác là một quyết sách mang tính chiến lược và quan trọng. Từ ngày 01/11/2016, tên gọi CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX chính thức được công bố trên thị trường sau một thời gian lấy ý kiến của Cổ đông và đăng ký với các cơ quan chức năng liên quan.

Về chính sách quản lý – điều hành

1. Điều lệ Công ty:

Điều lệ công ty (lần thứ 3) được ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016 thay thế điều lệ cũ ngày 25/03/2013 với nhiều nội dung điều chỉnh vừa sát với Luật doanh nghiệp 2014 vừa phù hợp với mô hình tổ chức mới.

2. Quy chế quản trị nội bộ: sửa đổi, bổ sung quy chế quản trị nội bộ cũ theo quyết định số 09/2016/QĐ-HĐQT ngày 01/09/2016 để phù hợp với mô hình tổ chức mới.

3. Quy chế điều hành SXKD: ban hành bộ quy chế mới theo quyết định số 10/2016/QĐ-HĐQT ngày 01/09/2016 để phù hợp với mô hình tổ chức mới.

Về cách thức quảng bá thương hiệu

Để ngày một nâng cao vị thế và tạo nên sự phổ biến của thương hiệu Vietranstimex trên thị trường vận tải trong và ngoài nước, Công ty chúng ta phải tiếp tục giữ vững và phát huy các thế mạnh đã đạt được trong những năm qua. Ngoài ra, những cách thức quảng bá thương hiệu sau cần được duy trì thực hiện:

1. Duy trì tính ổn định, giám sát việc tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008, hệ thống quản lý An toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007, tiến tới tích hợp hai hệ thống quản lý này thành QHSE để thuận tiện công tác quản lý và góp phần hợp lý hóa các quy trình con nhằm không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ vận tải, bốc xếp và logistics qua đó tạo ấn tượng tốt với đối tác, khách hàng và những cá nhân / tổ chức quan tâm đến hoạt động bốc xếp vận chuyển hàng hóa của Công ty;

2. Đội ngũ nhân viên của Công ty luôn đảm bảo có trình độ chuyên môn / tay nghề cao; tác phong và thái độ làm việc chuyên nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, không ngại khó khăn, luôn tạo ấn tượng tốt với khách hàng;

3. Việc trang bị đồng phục làm việc tại công sở và đồng phục bảo hộ lao động cho CBCNV Công ty như là một kênh truyền thông để quảng bá thương hiệu công ty. Thông qua màu đồng phục, việc in logo trên áo, nón... để định hình thương hiệu đối với cộng đồng. Ngoài ra nó còn thể hiện sự chuyên nghiệp của công ty.

4. Đối với các phương tiện, trang thiết bị, tên Công ty, logo, màu sơn truyền thống phải có bố cục rõ ràng, có nét đặc trưng riêng của công ty

5. Trong thời điểm công nghệ thông tin phát triển như hiện nay, đặc biệt là mạng internet trở nên phổ biến thì việc quảng bá hình ảnh cũng như thương hiệu thông qua mạng internet là bước đi đúng đắn và hợp lý của công ty.

Website riêng được thiết kế bài bản, nội dung phong phú để cho khách hàng trực tiếp tham khảo, cập nhật thông tin về các dịch vụ của công ty, bên cạnh đó, công ty luôn cập nhập các thông tin, hình ảnh, hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa của CBCNV tại địa chỉ: <https://www.facebook.com/multimodaltransportholdingcompany>.

6. Thiết kế và in ấn thương hiệu Công ty (tên Công ty, logo) lên các vật phẩm văn phòng sử dụng cho công việc hàng ngày, đồng thời định kỳ quan tâm, cập nhật nội dung, hình thức thiết kế của brochure giới thiệu về công ty sử dụng cho công tác tiếp thị và giới thiệu năng lực. Ngoài ra, gửi tặng quà lưu niệm, thiệp chúc mừng có thương hiệu Cty đến khách hàng, đối tác khi tiếp thị dự án mới, hội nghị và nhân dịp năm mới.

Tài trợ cho các hoạt động xã hội, các sự kiện của thành phố, cũng như đưa hình ảnh Công ty lên các phương tiện thông tin đại chúng, báo đài ở địa phương và trên cả nước làm cho thương hiệu Vietranstimex ngày càng được biết đến rộng rãi.

Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017 của đơn vị

a) Thuận lợi

* Về mặt Vĩ mô:

Năm 2017, Chính phủ và các Bộ, ngành sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để duy trì và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, trong đó những giải pháp có tác động tích cực đến lĩnh vực logistics bao gồm:

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh giải ngân vốn cho các công trình, dự án xây dựng.
- Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, nhất là các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp như thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, tín dụng, đất đai, xây dựng, thành lập và giải thể doanh nghiệp, thủ tục đầu tư.
- Tái cơ cấu kinh tế một cách thực chất, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.
- Xây dựng nền hành chính hiệu quả và kỷ luật kỷ cương.

* Về mặt Vi mô:

Toàn công ty đã cơ bản thực hiện xong công tác tái cấu trúc, sắp xếp và bố trí lại lao động, hướng đến xây dựng một bộ máy tổ chức tinh gọn – hợp lý – chuyên nghiệp và hiệu quả, giảm gánh nặng về mặt chi phí nhằm tăng lợi nhuận và doanh thu cho Công ty

- Việc cơ cấu lại nguồn vốn đối với các tài sản không mang lại hiệu quả trong quá trình sản xuất theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông đã giảm căng thẳng về vốn, tạo điều kiện tăng đầu tư phương tiện thiết bị để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.
- VIETRANSTIMEX vẫn là thương hiệu được nhiều khách hàng, đối tác lớn trong và ngoài nước đánh giá cao, tin tưởng cũng như mong muốn hợp tác để thực hiện các dự án vận tải hàng hóa thiết bị.

b) Khó khăn

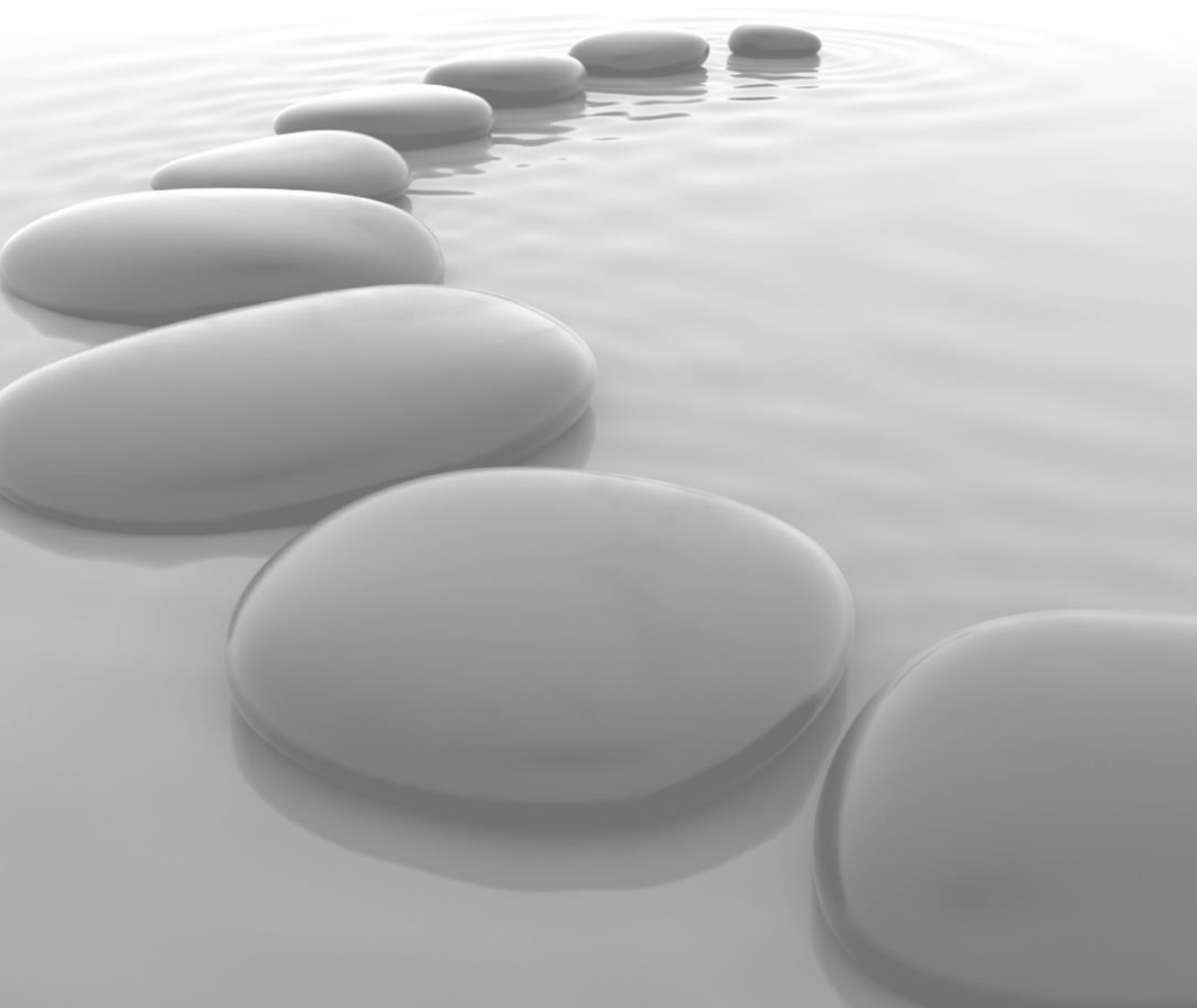
- Mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông chưa đáp ứng yêu cầu vận tải đa phương thức. Thủ tục cấp phép lưu hành đặc biệt của các cấp thẩm quyền vẫn còn chậm.
- Việc giải quyết các chi phí tiếp thị chưa linh hoạt, kịp thời dẫn đến việc khó tiếp cận chủ đầu tư và thắng thầu trong cạnh tranh.
- Dịch vụ logistics, lắp đặt thiết bị được xác định là những hoạt động kinh doanh phụ trợ, tạo điều kiện ổn định cho kinh doanh vận tải và dịch vụ vận tải nhưng chưa có nguồn lực con người để đầu tư phát triển.
- Công tác tái cấu trúc đã tạo ra nhiều sự xáo trộn, thay đổi về bộ máy tổ chức trên toàn công ty (từ các tổ đội sản xuất đến các phòng ban nghiệp vụ) dẫn đến thực tế là chúng ta cần thời gian để người lao động thích nghi, làm việc theo mô hình mới, các bộ phận trong hệ thống điều hành SXKD mới vận hành ăn khớp, nhịp nhàng với nhau. Ngoài ra, tâm lý bất ổn của người lao động trên toàn Công ty trước và sau giai đoạn tái cấu trúc ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả của công việc thực hiện.

Năm 2017 chúng ta tiếp tục đặt mục tiêu chính là ổn định sản xuất kinh doanh, tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty và đẩy mạnh đầu tư phương tiện thiết bị mới, hiện đại tạo cơ sở cho việc mở rộng ngành nghề kinh doanh của Công ty ra các lĩnh vực mà nhà thầu quốc tế đang thống trị là lắp đặt hàng nặng, vận chuyển và lắp đặt các thiết bị điện gió, di dời và hạ thủy các cấu kiện có trọng lượng lớn hơn 3.000 tấn, dịch vụ kho bãi ...nhằm tạo tiền đề phát triển mạnh mẽ cho những năm sau.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

*Doanh nghiệp **Hội nhập** và **Phát triển** năm 2016*





Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017

Với những thuận lợi khó khăn nêu trên, kế hoạch SXKD năm 2017 được xây dựng với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	% KH 2017/Thực hiện 2016
Tổng doanh thu	450.709	490.000	109%
Lợi nhuận trước thuế	62.154	60.000	97%
Tỷ lệ cổ tức	15%	15% - 20%	-

Kế hoạch kinh doanh, tiếp thị :

Ngoài các dự án đang thực hiện hoặc đã trúng thầu như NM Nhiệt điện Hải Dương, Thăng Long và Long Phú 1, các trạm biến áp 220KV, 500KV... Công ty sẽ tập trung các nguồn lực để thực hiện công tác tiếp thị cho các dự án:

- Bốc xếp, vận chuyển thiết bị của các dự án NM nhiệt điện và thủy điện như: Quảng Trạch, Nghi Sơn 2, Vĩnh Tân 1; Thác Mơ, hạ Sê San, Đa Nhim mở rộng, Nam Peun 1 – Lào, Nam Sim – Lào; Nhiệt điện Nghi Sơn 2, Nhiệt điện Vũng Áng 2, Duyên Hải 2, An Khánh ..
- Các dự án phong điện trên cả nước.
- Vận chuyển, di dời và hạ thủy các cấu kiện dầu khí mới tại các cảng PTSC, cảng VSP, cảng Đông Xuyên – Tp Vũng Tàu, các cần cầu giàn của các cảng biển lớn tại HCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn...;
- Bốc xếp, vận chuyển thiết bị cho hệ thống các Trạm biến áp 220KV, 500KV trên cả nước;

Mục tiêu trọng tâm của năm 2017 và các năm tiếp theo là :

- Liên kết với các công ty thành viên để triển khai hệ thống dịch vụ logistics ưu tiên sử dụng và cung cấp dịch vụ lẫn nhau giữa các doanh nghiệp trong nhóm nhằm tạo nguồn hàng, bảo đảm ổn định doanh thu, công việc làm cho toàn công ty, làm nền tảng để phát triển dịch vụ trọng tâm vận tải hàng siêu trường siêu trọng, hàng dự án.
- Liên kết với các đối tác Nippon Express, Fagioli để triển khai dịch vụ lắp đặt thiết bị đòi hỏi công nghệ cao. Bước đầu thông qua hình thức cung cấp nguồn nhân lực, phương tiện sẵn có của đơn vị dưới sự chỉ đạo của đối tác để từng bước tiếp cận công nghệ tiến đến đảm nhiệm thực hiện trọn gói công việc lắp đặt và bốc xếp, vận chuyển các kiện hàng STST bằng phương pháp skidding.
- Tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị và liên danh liên kết để đẩy mạnh khai thác các thị trường tiềm năng như Lào, Campuchia, Myanmar....

PLAN



Các nhóm giải pháp thực hiện

Nhóm giải pháp về Tài chính kế toán:

- Đa dạng hóa các kênh huy động vốn, các hình thức đầu tư. Có cơ chế điều hành vốn phù hợp để tăng hiệu quả của các dự án, tiếp tục nhượng bán những tài sản hiện có nhưng kém phát huy hiệu quả để huy động bổ sung nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.
- Siết chặt quản lý về tài chính toàn Công ty, kiểm soát chi phí, tăng cường công tác khoán quản.
- Tổ chức phân tích doanh thu – chi phí - hiệu quả theo công trình - dự án, theo phương tiện – nhóm phương tiện để có dữ liệu phục vụ đấu thầu, đầu tư và đánh giá hiệu quả sau đầu tư
- Đẩy mạnh công tác thu hồi nợ tồn đọng. Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu, phân công cán bộ chuyên trách đẩy mạnh công tác khởi kiện đối với công nợ khó đòi;
- Hoàn thiện quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản nợ phải thu để vừa tăng cường quản lý vừa tạo điều kiện tối đa cho sản xuất

Nhóm giải pháp về kỹ thuật:

- Kiểm soát chặt chẽ quy trình bảo dưỡng sửa chữa PTTB kể cả nguồn vật tư phụ tùng dự phòng để đảm bảo tối ưu hóa thời gian vận doanh của các PTTB.
- Tham mưu chương trình, kế hoạch đào tạo kiến thức chuyên môn nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty.
- Xây dựng phương án kỹ thuật đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn, nhưng phải tiết kiệm chi phí nhất có thể, nhất là chi phí điều động PT-TB.

Nhóm giải pháp về kinh doanh, tiếp thị:

- Đẩy mạnh tiếp thị, tìm kiếm nguồn hàng để khai thác tối đa đội xe hàng thường.
- Tham mưu xây dựng quy chế tiếp thị, quy chế khen thưởng phù hợp nhằm huy động tối đa đội ngũ nhân lực tham gia vào công tác tiếp thị, nâng cao hiệu quả công tác tiếp thị.
- Nắm bắt tình hình thị trường và tham mưu, đề xuất lãnh đạo Công ty đầu tư PTTB nhằm sớm mở rộng lĩnh vực kinh doanh.

Nhóm giải pháp về hành chính nhân sự:

- Tiếp tục hoàn thiện công tác tái cấu trúc toàn công ty để bộ máy điều hành hiệu quả hơn, hợp lý hơn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin kết nối trong toàn hệ thống từ công ty đến các đơn vị phụ thuộc để việc chỉ đạo điều hành nhanh chóng, tập trung, hiệu quả, tiết kiệm.
- Thực hiện việc phân cấp, phân công công việc rõ ràng, cụ thể giữa các bộ phận liên quan trong bộ máy điều hành SXKD toàn Công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng cơ chế trả lương, thưởng phù hợp với thị trường để ưu đãi CBCNV có năng lực và thu hút nguồn lực từ bên ngoài.
- Tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, điều hành.

Nhóm giải pháp về Khai thác:

- Hợp lý hóa phân công công việc trong hệ thống khai thác nhằm tăng cường sự thông suốt trong việc điều hành các dự án / công trình vận tải góp phần hoàn thành công việc đúng tiến độ và chất lượng yêu cầu.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí phục vụ sản xuất, mạnh dạn đề xuất các giải pháp tiết giảm nguồn nhân lực và chi phí sản xuất.

Nhóm giải pháp về An toàn:

- Toàn Công ty phải phải hết sức coi trọng công tác an toàn vệ sinh lao động, tuân thủ các qui trình của Công ty đặt ra và các qui định của pháp luật.
- Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn, thông báo cho người lao động về những quy định, biện pháp làm việc an toàn, những TNLĐ cần đề phòng; trang bị đầy đủ các phương tiện kỹ thuật bảo hộ lao động bởi công tác ATVSLĐ luôn gắn liền với sản xuất.
- Thực hiện tốt an toàn vệ sinh lao động nhằm bảo đảm sức khỏe và tính mạng của người lao động, góp phần quan trọng vào việc phát triển sản xuất và đời sống xã hội.
- Nâng cao hệ thống quản lý HSE (theo tiêu chuẩn 18001) nhằm đạt được các cải tiến cho toàn bộ kết quả thực hiện HSE nhất quán với chính sách HSE của công ty với mục đích phải đạt được như sau :
 - + Đảm bảo các mối nguy được nhận dạng.
 - + Đảm bảo quản lý rủi ro liên quan an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.
 - + Đảm bảo tuân thủ các yêu cầu pháp lý.



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, chất thải...)

Công ty đảm bảo có sẵn các nguồn lực cần thiết để thiết lập, thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý môi trường. Các nguồn lực bao gồm: nguồn nhân lực và kỹ năng chuyên môn hoá, cơ sở hạ tầng, nguồn lực công nghệ và tài chính.

Vai trò, trách nhiệm và quyền hạn cần được xác định, được lập thành văn bản và được thông báo nhằm tạo thuận lợi cho quản lý môi trường có hiệu lực.

Tổng Giám đốc bổ nhiệm một đại diện của Ban Tổng Giám đốc, ngoài các trách nhiệm khác, có các vai trò, trách nhiệm và quyền hạn xác định nhằm :

- Đảm bảo hệ thống quản lý môi trường được thiết lập, thực hiện và duy trì phù hợp với các yêu cầu của Công ty
- Báo cáo kết quả hoạt động của hệ thống quản lý môi trường cho ban lãnh đạo để xem xét, kể cả các khuyến nghị cho việc cải tiến.
- Công ty đảm bảo mọi nhân viên thực hiện các công việc của Công ty hoặc trên danh nghĩa của Công ty (Nhà thầu phụ) có khả năng gây ra (các) tác động đáng kể lên môi trường mà Công ty xác định được đều phải có đủ năng lực trên cơ sở đào tạo hoặc kinh nghiệm thích hợp, và có duy trì các hồ sơ liên quan.

Công ty định rõ và lập kế hoạch các tác nghiệp liên quan đến các khía cạnh môi trường có ý nghĩa đã được xác định nhất quán với chính sách và chỉ tiêu môi trường của mình nhằm đảm bảo chúng được tiến hành trong các điều kiện qui định.

Công ty thiết lập, thực hiện và duy trì một thủ tục để giám sát và đo lường trên cơ sở các đặc trưng chủ chốt của các hoạt động của mình có thể có tác động đáng kể lên môi trường.

Đối với các khu vực xử lý nước thải và địa điểm kho bãi tại các khu công nghiệp đều được sử dụng nguồn nước thủy cục cung cấp và hệ thống nước thải tuân thủ các quy định pháp luật về: quy trình thiết kế hệ thống và xử lý thải của khu công nghiệp trên địa bàn quy định.

Thanh lý các phương tiện thiết bị cũ kỹ lạc hậu, có mức tiêu hao năng lượng cao bằng các phương tiện hiện đại và tiên tiến hơn đảm bảo: tiêu chuẩn khí thải quy định và mức tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng điện ít hơn. (Theo báo cáo đầu tư và thanh lý 2016).

Đối với các dự án vận tải cần tập trung nhân sự và phương tiện thì Phụ trách Dự án có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý môi trường cho Dự án của mình cũng như thực hiện hệ thống quản lý HSE ở mức độ cấp dự án tương ứng. Các kế hoạch quản lý môi trường luôn phải đảm bảo bám sát các vấn đề môi trường hiện tại hay có khả năng nảy sinh trong tương lai và có các phương án cụ thể giảm thiểu các tác động và biện pháp cải thiện môi trường. Phụ trách Dự án có trách nhiệm đảm bảo các hoạt động của Dự án phù hợp với các chính sách, mục tiêu và kế hoạch quản lý môi trường của Công ty ban hành, thoả mãn các yêu cầu Luật định, của khách hàng về môi trường.

Cam kết thực hiện

- Việc áp dụng hệ thống quản lý quốc tế về quản lý môi trường theo tiêu chuẩn **ISO 9001:2015** và **OHSAS 18001:2007** là một lời cam kết của Công ty về thực hiện đảm bảo an toàn và kiểm soát các tác động đến môi trường.
- Công ty tuân thủ chính sách môi trường của nhà nước nơi Công ty hoạt động, cam kết giảm thiểu các tác động môi trường do các hoạt động của Công ty với mục đích ngăn ngừa ô nhiễm, tuân thủ pháp luật, các yêu cầu khác và cố gắng nỗ lực cho các hoạt động cải thiện môi trường trong công ty và cho toàn cộng đồng, bao gồm các hoạt động sau :
- Sử dụng hiệu quả tài nguyên như: điện, nước, giấy, gas để giảm thiểu các tác động lên môi trường
- Áp dụng các biện pháp tốt nhất trong quản lý và xử lý rác thải, giảm thiểu/loại trừ tác nhân gây ô nhiễm môi trường cũng như các vấn đề liên quan đến sức khỏe của người lao động, cộng đồng xung quanh
- Đặt mục tiêu chỉ tiêu môi trường cho sự phát bền vững thân thiện với môi trường;
- Đào tạo nhân viên ý thức bảo vệ môi trường, phổ biến chính sách môi trường đến mọi nhân viên bao gồm cả các nhà thầu.
- Nhất quán với cam kết tuân thủ của mình, Công ty thiết lập, thực hiện và duy trì một thủ tục về định kỳ đánh giá sự tuân thủ với các yêu cầu luật pháp có thể được áp dụng.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Tại VIETRANSTIMEX, chúng tôi luôn tôn trọng và đề cao con người, tôn trọng và đề cao văn hóa, cá tính và sự đóng góp của mỗi cá nhân.
- Là thành viên của VIETRANSTIMEX, bạn không chỉ được đánh giá cao và được thưởng xứng đáng cho những đóng góp cá nhân, mà còn được khuyến khích phát huy năng lực và kiến thức của mình để cùng đồng lòng chung sức xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, tin cậy, tôn trọng lẫn nhau, thực sự hòa đồng... thông qua chính sách tiền lương theo ngạch, bậc gắn liền với chức danh, vị trí công việc đảm nhận và lương khoán sản phẩm đối với một số nhóm lao động khối trực tiếp sát với thị trường lao động; kết quả chất lượng công việc được xem xét đánh giá qua kết quả hoàn thành công việc hàng tháng.
- Là thành viên của VIETRANSTIMEX, bạn sẽ có cơ hội phát triển nghề nghiệp của mình trong một lĩnh vực vận tải đặc biệt tại Việt Nam. Chúng tôi cam kết mang đến cho bạn một môi trường học hỏi không ngừng, giúp bạn nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn.
- Tại VIETRANSTIMEX, chúng tôi tin rằng chỉ có học hỏi không ngừng mới có thể cạnh tranh trong kinh doanh và đạt được sự thành công bền vững. Mỗi nhân viên, dù ở vị trí nào, chức vụ nào, cũng thường xuyên được trau dồi và học tập những kỹ năng nghề nghiệp mới.
- Chính vì thế, các chương trình đào tạo của VIETRANSTIMEX luôn được nghiên cứu, thiết kế và cập nhật phù hợp với nhu cầu của từng nhân viên.





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSXIMEX

“Vững bước dẫn đầu – Nâng tầm cao mới”



Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ kịp thời công tác giám sát, định hướng thông qua báo cáo và trao đổi công việc với Ban điều hành. Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển sản xuất của công ty.

Năm 2016 với nhiệm vụ quản lý nặng nề, phải tái cấu trúc toàn diện Công ty, song với quyết tâm của Ban Chỉ đạo tái cấu trúc Công ty, Ban điều hành đã cùng với Hội đồng quản trị hoàn thành vượt kế hoạch của Ban tái cấu trúc đề ra 01 tháng, đồng thời vẫn điều hành nhịp nhàng các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao.

Hội đồng quản trị đánh giá rất cao sự quyết tâm, nỗ lực của Ban điều hành Công ty trong tổ chức thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2016, kết quả năm 2016 Công ty hoàn thành 208% lợi nhuận trước thuế, để ghi nhận và đã kịp thời động viên Ban điều hành Công ty Hội đồng quản trị đã thống nhất trích quỹ lương để thưởng năm 2016 cho toàn bộ cán bộ quản lý Công ty.



VIETRANSTIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX

Đồng hành cùng ngành công nghiệp



VIETRANSTIMEX luôn coi người lao động là tài sản quý giá nhất của một Doanh nghiệp thành công





Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế theo Nghị quyết ĐHQĐCĐ 2016

Trong năm 2016, mặc dù toàn Công ty tập trung vào nhiệm vụ tái cấu trúc Công ty với rất nhiều những thay đổi căn bản, nhưng Công ty đã thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2016:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Thực hiện/Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	590.000	450.709	76,39%
2	Lợi nhuận sau thuế	24.700	48.870	197,85%
3	Tỷ lệ cổ tức	10%	15%	150%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 cho thấy mặc dù doanh thu không đạt mức tăng trưởng như kỳ vọng, song với mô hình quản lý mới, và quyết tâm của cả Công ty đã đem lại khoản lợi nhuận đáng trân trọng, đây là năm đầu tiên sau nhiều năm cổ phần phân hóa, Công ty có lợi nhuận sau thuế cao nhất, đạt mức tăng trưởng 266% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 197% so với Nghị quyết ĐHQĐCĐ đề ra.

Công tác tổ chức và nhân sự

Sau Đại hội cổ đông 2016, Ban tái cấu trúc đã làm việc liên tục trong suốt 04 tháng, kết quả đến ngày 01/09/ 2016 đã đưa mô hình vào áp dụng thí điểm vượt thời gian so với kế hoạch 01 tháng.

Về công tác tổ chức

Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành các quyết định thành lập và chấm dứt hoạt động thuộc thẩm quyền HĐQT gồm:

- Thành lập các Phòng Ban Công ty theo mô hình mới;
- Thành lập 02 Chi nhánh trực thuộc Công ty: Chi nhánh Vietranstimex Miền Nam và Chi nhánh Vietranstimex Miền Bắc trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại cơ sở vật chất và nhân lực từ các đơn vị Công ty VTĐPT 7, Công ty VTĐPT 9, Chi nhánh Hà Nội, Công ty VTĐPT 1.
- Chấm dứt hoạt động các đơn vị trực thuộc Công ty cũ do HĐQT thành lập gồm: Công ty VTĐPT 9, Công ty VTĐPT 1, Chi nhánh VTĐPT2 và Chi nhánh VTĐPT Miền Tây.
- Thực hiện đổi tên Công ty và các Chi nhánh từ ngày 01/11/2016.

Về công tác nhân sự

Căn cứ mô hình hoạt động HĐQT đã giữ nguyên Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và ban hành các quyết định nhân sự:

- Bổ nhiệm 02 Giám đốc Chi nhánh Vietranstimex Miền Bắc và Miền Nam
- Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức 7, đối với ông Trần Nguyên Giáp theo nguyện vọng cá nhân.
- Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Miền Tây đối với ông Trần Thanh Bình, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội đối với ông Bùi Đức Độ; Giám đốc Chi nhánh VTĐPT 2 đối với ông Lê Cao Nguyên, Giám đốc Công ty VTĐPT 1 đối với ông Dương Việt Cường do thay đổi mô hình tổ chức Công ty.
- Miễn nhiệm chức vụ Trưởng Văn phòng đại diện Campuchia đối với ông Nguyễn Anh Phương theo nguyện vọng cá nhân.

Ngoài ra Chủ tịch HĐQT đã ban hành văn bản thống nhất đề nghị của Ban điều hành về bổ nhiệm nhân sự cấp quản lý từ Trưởng phòng Công ty trở xuống theo mô hình tái cấu trúc Công ty.



Công tác quản lý chung

Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2016 và ĐHĐCĐ bất thường – xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex;

Tổ chức thành công lễ Kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty.

Ban hành các văn bản về quản lý hoạt động Công ty sau tái cấu trúc để áp dụng thí điểm từ 01/09/2016 và chính thức áp dụng từ ngày 01/01/2017:

- Chức năng nhiệm vụ quyền hạn các đơn vị trong Công ty theo mô hình hoạt động mới.
- Sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ;
- Quy chế Quản lý Điều hành sản xuất kinh doanh toàn Công ty;
- Thang bảng lương thực hiện cho trong toàn Công ty.

Cử các đoàn cán bộ đi công tác nước ngoài để làm việc với các đối tác liên quan theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

Công tác quản lý đầu tư và thanh lý tài sản

Công tác đầu tư

Trong năm HĐQT đã phê duyệt đầu tư một số tài sản chủ yếu như sau: 30 Đầu kéo và 65 rơ moóc phục vụ vận chuyển hàng thông thường; 02 ô tô con và 02 xe 16 chỗ ngồi. Với tổng giá trị đầu tư: 53 tỷ 645 triệu đồng.

Ngoài ra HĐQT đã phê duyệt các đầu tư các dự án chuyển sang thực hiện trong năm 2017 gồm: Đầu tư cầu bán lớp 100 tấn và 02 rơ moóc tăng giảm chiều dài từ 20 đến 52m phục vụ vận chuyển hàng siêu trường.

Công tác thanh lý tài sản

Trong năm, công ty đã triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc thực hiện kế hoạch nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nhất là các tài sản là bất động sản; các tài sản đã thanh lý, nhượng bán như sau:

- Thực hiện thanh lý các tài sản từ năm 2015 chuyển sang gồm Nhà để xe CNCNV – K16/14 Hùng Vương - Đà Nẵng; Văn phòng làm việc 100 Đại Cồ Việt - Hà Nội; Cửa hàng xăng dầu Yết Kiêu - Đà Nẵng và một số phương tiện của Chi nhánh VTĐPT 2; Thanh lý lô xe con và xe car của toàn Công ty. Với tổng giá trị thu hồi sau thanh lý 23 tỷ 320 triệu đồng.
- Chuyển sang năm 2017 tiếp tục thực hiện thanh lý 02 lô đất tại Tp Hồ Chí Minh.

Một số tồn tại cần khắc phục

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Công ty vẫn còn những hạn chế nhất định đó là:

- Chưa mở rộng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh đối với dịch vụ logistic, lắp đặt thiết bị; lắp đặt điện gió...
- Bộ máy quản lý mới sau tái cấu trúc, đôi lúc chưa tổ chức hoạt động thuận thực, vẫn còn những điểm chưa phù hợp trong công tác tổ chức điều hành sản xuất làm ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ và uy tín của Công ty...
- Công tác tiếp thị phát triển thị trường còn một số mặt hạn chế, chưa phát huy tối đa nguồn lực của công ty
- Công suất sử dụng tài sản của công ty chưa cao.

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tìm kiếm các giải pháp quyết liệt hơn để khắc phục những tồn tại, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị trong năm tiếp theo.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Phát huy kết quả đạt được trong năm 2016, căn cứ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017, Hội đồng quản trị đề ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị trong năm 2017 bao gồm:

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các đơn vị trong Group, các đối tác cùng ngành nghề, có thương hiệu trong và ngoài nước để phát triển một số dịch vụ trong chuỗi cung ứng vận tải.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tái cấu trúc, tinh gọn bộ máy quản lý Công ty, tăng cường công tác giám sát và nâng cao hiệu quả quản lý điều hành sản xuất trong toàn Công ty.
- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, thông qua cơ chế tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn sâu, tập trung đào tạo nội bộ.
- Tiếp tục đầu tư phương tiện, trang thiết bị và công nghệ mới để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và giữ vững vị trí dẫn đầu của Công ty trong những năm tới.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, hiệu quả tiếp thị hơn nữa phát huy tiềm năng, thế mạnh của Công ty
- Mở rộng thị trường sang các nước trong khu vực Đông Nam Á thông qua hình thức liên doanh, liên kết...





ĐOÀN KẾT

TRUNG THỰC

SÁNG TẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX

Đồng hành cùng ngành công nghiệp





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX

“Vững bước dẫn đầu – Nâng tầm cao mới”



Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát





Các cuộc họp của hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức và các Biên bản họp/Nghị quyết của Hội đồng Quản trị trong năm 2016, thông tin về số thành viên Hội đồng quản trị và thống kê số buổi họp Hội đồng Quản trị như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp	Tỷ lệ tham gia	Lý do Không tham gia
1	Đình Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	Bắt đầu từ ngày 25/04/2015 và kết thúc không còn là Chủ tịch HĐQT vào ngày 26/04/2016	03/03	100%	
2	Lê Bá Thọ	TV HĐQT	Bắt đầu từ ngày 04/03/2016, được đề cử là TV HĐQT thay ông Hoàng Tuấn.	02/02	100%	
		Chủ tịch HĐQT	Bắt đầu từ ngày 26/04/2016, được bầu là Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2015- 2020.	08/08	100%	
3	Võ Duy Nghi	TV HĐQT - Tổng giám đốc	Bắt đầu là TV HĐQT từ ngày 25/04/2015 và từ ngày 01/05/2015 là Tổng giám đốc Công ty.	11/11	100%	
4	Nguyễn Tăng Mãng	TV HĐQT	Nhiệm kỳ 2015- 2020	11/11	100%	
5	Đặng Doãn Kiên	TV HĐQT	Nhiệm kỳ 2015- 2020	10/11	91%	Bận công tác
6	Đỗ Hoàng Phương	TV HĐQT	Bắt đầu là TV HĐQT - Phó Tổng giám đốc Công ty từ ngày 26/04/2016.	08/08	100%	
7	Hoàng Tuấn	TV HĐQT	Bắt đầu là TV HĐQT từ ngày 03/08/2012. Kết thúc ngày 12/01/2016	0/1	0%	Bận công tác tại Lào





Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, Hội đồng Quản trị đã giao cho Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện:

- Định kỳ hàng tháng và quý, Tổng Giám đốc đều có báo cáo quản trị Công ty
- Trên cơ sở báo cáo của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị họp kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết và đề ra các mục tiêu công việc trong giai đoạn tiếp theo;
- Ngoài ra, căn cứ vào tờ trình của Tổng Giám đốc và các tài liệu kèm theo, Hội đồng Quản trị đã triệu tập một số phiên họp đột xuất với thành phần phù hợp để thông qua các chủ trương, định hướng nhằm kịp thời giải quyết các vấn đề chung của Công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã thành lập Ban Chỉ đạo tái cấu trúc Công ty, để thực hiện tái cấu trúc Công ty theo định hướng của HĐQT. Thành phần Ban chỉ đạo gồm: Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Hành chính Nhân sự và Thư ký HĐQT làm thư ký Ban.
- Ban Chỉ đạo tái cấu trúc Công ty đã hoạt động liên tục để cấu trúc toàn diện Công ty và ngày 01/09/2016 Công ty đã chuyển sang hoạt động thí điểm theo mô hình mới, sớm hơn so với kế hoạch 01 tháng.
- Các Biên bản của Ban chỉ đạo tái cấu trúc





Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
Biên bản họp	12 và 13/05/2016	Xác định mục tiêu và yêu cầu của việc tái cấu trúc Công ty và dự kiến các nội dung công việc của Ban chỉ đạo Tái cấu trúc
Biên bản họp	19/05/2016	Thông qua mô hình hoạt động của Công ty
Biên bản họp	20/05/2016	Ban hành lịch làm việc và thống nhất nội dung công việc theo dự kiến của TGD
Biên bản họp	27 và 28/05/2016	Thông qua chức năng nhiệm vụ của các phòng nghiệp vụ Công ty sau tái cấu trúc
Biên bản họp	03/06/2016	Thông qua mô hình tổ chức của các Chi nhánh Miền Nam và Chi nhánh VTĐPT 2 trực thuộc Công ty
Biên bản họp	10/06/2016	Thông qua mô hình tổ chức của các Chi nhánh Miền Bắc trực thuộc Công ty và định biên nhân sự khối Văn phòng Công ty
Biên bản họp	17/06/2016	Thông qua định hướng nhân sự quản lý, tiền lương và tái cấu trúc Chi nhánh VTĐPT2
Biên bản họp	24 và 25/06/2016	Xây dựng thang bảng lương và phương án chi trả tiền lương;
Biên bản họp	12/07/2016	Thông qua chức năng nhiệm vụ của Công ty và các đơn vị phụ thuộc; thông qua hệ thống thang bảng lương của Công ty và nhân sự chủ chốt của Công ty
Biên bản họp	22/07/2016	Xem xét phân cấp giữa HĐQT và Ban điều hành, Quy chế Chi tiêu nội bộ lần 1
Biên bản họp	06/08/2016	Thông qua sắp xếp nhân sự toàn Công ty; Thông qua các quy chế : Phân cấp giữa HĐQT và Ban điều hành, Quy chế Chi tiêu nội bộ .



Các Nghị quyết / Quyết định của Hội đồng Quản trị
Nghị quyết

Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
01/2016/NQ-HĐQT	13/01/2016	Thông qua đơn từ nhiệm của thành viên HĐQT ông Hoàng Tuấn.
02/2016/NQ-HĐQT	07/03/2016	Bổ sung ông Lê Bá Thọ làm thành viên HĐQT thay ông Hoàng Tuấn và chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên 2016.
03/2016/NQ-HĐQT	08/04/2016	Thông qua nội dung cơ bản về Đại hội cổ đông thường niên 2016.
04/2016/NQ-HĐQT	26/04/2016	Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2015-2020 (theo nghị quyết ĐHCĐ 2016)
05/2016/NQ-HĐQT	26/04/2016	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty đ/v ông Đỗ Hoàng Phương
06/2016/NQ-HĐQT	20/05/2016	Thông qua mô hình hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức sau tái cấu trúc
07/2016/NQ-HĐQT	17/06/2016	Thông qua danh sách cổ đông chuyển nhượng cổ phần cho Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam
08/2016/NQ-HĐQT	20/06/2016	Thông qua Phương án tái cấu trúc Chi nhánh VTĐPT 2 trực thuộc Công ty
09/2016/NQ-HĐQT	04/07/2016	Thông qua danh sách cổ đông chuyển nhượng cổ phần cho Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam lần 2
10/2016/NQ-HĐQT	09/08/2016	Thông qua kết quả hoạt động Công ty 06 tháng đầu năm 2016 và một số chủ trương cho 06 tháng cuối năm
11/2016/NQ-BTCT	09/08/2016	NQ của Ban chỉ đạo tái cấu trúc về nhân sự và thông qua các quy chế của Công ty
12/2016/NQ-HĐQT	29/08/2016	Về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2016
13/2016/NQ-HĐQT	30/08/2016	Thông qua Quy chế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và một số nhiệm vụ trước mắt của Công ty
15/2016/NQ-HĐQT	20/10/2016	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty VTĐPT 7 đối với ông Trần Nguyên Giáp; đồng thời bổ nhiệm ông Võ Đăng Lịch làm Giám đốc Công ty VTĐPT 7 từ ngày 20/10/2016
16/2016/NQ-HĐQT	10/11/2016	Kiện toàn mô hình tổ chức Công ty và đổi tên các đơn vị trực thuộc
17/2016/NQ-HĐQT	31/12/2016	Thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến tái cấu trúc Công ty và giải thể Ban chỉ đạo Tái cấu trúc Công ty từ ngày 31/12/2016.
18/2016/NQ-HĐQT	31/12/2016	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và một số nội dung khác.

Quyết định

Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
01/2016/QĐ-HĐQT	13/01/2016	Nâng hệ số lương cán bộ Lãnh đạo Công ty năm 2016
02/2016/QĐ-HĐQT	13/01/2016	Phê duyệt chuyển nhượng QSD đất và vật kiến trúc trên đất “ Gara để xe CBCNV – K16/14 Hùng Vương”
03/2016/QĐ-HĐQT	13/01/2016	Phê duyệt chuyển nhượng tài sản tại Chi nhánh Vận tải đa phương thức 2
04/2016/QĐ-HĐQT	28/04/2016	Thành lập Ban chỉ đạo tái cấu trúc Công ty
05/2016/QĐ-HĐQT	17/06/2016	Chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính bán niên và cả năm 2016
06/2016/QĐ-HĐQT	28/07/2016	Cử cán bộ Lãnh đạo đi công tác nước ngoài
07/2016/QĐ-HĐQT	01/09/2016	Chấm dứt hoạt động Công ty Vận tải đa phương thức 9 – đơn vị hạch toán báo sổ thuộc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức
08/2016/QĐ-HĐQT	01/09/2016	Thành lập các phòng Nghiệp vụ Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức
09/2016/QĐ-HĐQT	01/09/2016	Sửa đổi bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức
10/2016/QĐ-HĐQT	01/09/2016	Ban hành Quy chế Quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức
11/2016/QĐ-HĐQT	01/09/2016	Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức đối với ông Bùi Đức Đệ
12/2016/QĐ-HĐQT	01/09/2016	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức đối với ông Đỗ Hoàng Phương
13/2016/QĐ-HĐQT	01/09/2016	Phê duyệt phương án thanh lý tài sản cố định tại Chi nhánh Vận tải đa phương thức 2
14/2016/QĐ-HĐQT	15/09/2016	Phê duyệt chuyển nhượng tài sản cố định tại Chi nhánh Vận tải đa phương thức 2
15/2016/QĐ-HĐQT	16/09/2016	Phê duyệt dự án đầu tư “ 02 sơ mi rơ moóc tăng giảm chiều dài đến 52m”
16/2016/QĐ-HĐQT	16/09/2016	Phê duyệt dự án đầu tư “ 02 ô tô con và 01 ô tô 16 chỗ ngồi”
17/2016/QĐ-HĐQT	19/09/2016	Tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng QSD 02 thửa tại Phường Thạnh Mỹ Lợi , Quận 2, Tp HCM
18/2016/QĐ-HĐQT	30/09/2016	Phê duyệt chuyển nhượng tài sản cố định thanh lý xe con và xe car



19/2016/QĐ-HĐQT	19/10/2016	Phê duyệt lựa chọn nhà cung ứng dự án đầu tư “ 30 đầu kéo và 65 sơ mi rơ moóc”
20/2016/QĐ-HĐQT	20/10/2016	Bổ nhiệm trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty CP VTĐPT
21/2016/QĐ-HĐQT	20/10/2016	Thôi nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức 7 đối với ông Trần Nguyên Giáp
22/2016/QĐ-HĐQT	20/10/2016	Bổ nhiệm ông Võ Đăng Lịch giữ chức vụ Giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức 7.
23/2016/QĐ-HĐQT	21/10/2016	Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức tại Miền Tây đối với ông Cao Xuân Hải
24/2016/QĐ-HĐQT	20/10/2016	Bổ nhiệm ông Trần Thanh Bình giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức tại Miền Tây.
25/2016/QĐ-HĐQT	26/10/2016	Không chọn nhà đầu tư Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Liên Minh để thực hiện chuyển nhượng QSD đất và TS gắn liền trên đất tại 100 Đại Cồ Việt – Hà Nội
26/2016/QĐ-HĐQT	26/10/2016	Phê duyệt chuyển nhượng QSD đất và TS gắn liền trên đất tại 100 Đại Cồ Việt – Hà Nội
27/2016/QĐ-HĐQT	10/11/2016	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức đối với ông Trần Nguyên Giáp
28/2016/QĐ-HĐQT	10/11/2016	Đổi tên đơn vị trực thuộc Công ty từ ngày 10/11/2016.
29/2016/QĐ-HĐQT	10/11/2016	Đổi tên đơn vị trực thuộc Công ty từ ngày 10/11/2016.
30/2016/QĐ-HĐQT	10/11/2016	Đổi tên đơn vị trực thuộc Công ty từ ngày 10/11/2016.
31/2016/QĐ-HĐQT	18/11/2016	Cử Lãnh đạo Công ty đi công tác nước ngoài
32/2016/QĐ-HĐQT	19/12/2016	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex tại Miền Tây.
33/2016/QĐ-HĐQT	19/12/2016	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex – Công ty VTĐPT1.
34/2016/QĐ-HĐQT	19/12/2016	Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức tại Miền Tây đối với ông Trần Thanh Bình.
35/2016/QĐ-HĐQT	19/12/2016	Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex – Công ty VTĐPT 1 đối với ông Dương Việt Cường.
36/2016/QĐ-HĐQT	20/12/2016	Phê duyệt dự án đầu tư “ Cầu cầu thủy lực, bánh lốp 100 Tấn
37/2016/QĐ-HĐQT	20/12/2016	Phê duyệt chuyển nhượng tài sản cố định tại Chi nhánh Vận tải đa phương thức 2
38/2016/QĐ-HĐQT	29/12/2016	Đổi tên đơn vị trực thuộc Công ty từ ngày 01/01/2017.
39/2016/QĐ-HĐQT	29/12/2016	Đổi tên đơn vị trực thuộc Công ty từ ngày 01/01/2017.

40/2016/QĐ-HĐQT	29/12/2016	Đổi tên đơn vị trực thuộc Công ty từ ngày 01/01/2017.
41/2016/QĐ-HĐQT	31/12/2016	Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex 2 đối với ông Lê Cao Nguyên

Danh sách người có liên quan của Công ty theo quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán

Danh sách về sự thay đổi người có liên quan của Công ty:

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch CK	Chức vụ tại Công ty	CMND số	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu/không còn là người có liên quan	Lý do
1	Đình Việt Tùng		Chủ tịch HĐQT	014074000003 ; cấp ngày 29/08/2013; tại Cục cảnh sát	Số 5, Ngõ 260 Đội Cấn Ba Đình, TP. Hà Nội	Thôi chức Chủ tịch HĐQT vào ngày 26/04/2016	Nhà nước thoái vốn
2	Lê Bá Thọ		Thành viên HĐQT	025799660; cấp ngày 30/03/2015 tại TP Hồ Chí Minh	23/12 Hoàng Sa, Phường Đakao, Quận 1, Tp HCM	04/03/2016	Tham gia HĐQT thay ông Hoàng Tuấn
	Lê Bá Thọ		Chủ tịch Hội đồng quản trị	025799660; cấp ngày 30/03/2015 tại TP Hồ Chí Minh	Hoàng Sa, Phường Đakao, Quận 1, Tp HCM	26/04/2016	Trúng cử HĐQT tại ĐHĐCĐ 2016 và được bầu làm Chủ tịch
3	Đỗ Hoàng Phương		Thành viên HĐQT;	024437606; cấp ngày 24/12/2013; tại TP HCM	68 đường số 07, phường Phú Mỹ, Quận 7, Tp HCM	26/04/2016	Trúng cử HĐQT tại ĐHĐCĐ 2016
4	Đỗ Hoàng Phương		Phó Tổng giám đốc Công ty	024437606; cấp ngày 24/12/2013; tại TP HCM	68 đường số 07, phường Phú Mỹ, Quận 7, Tp HCM	26/04/2016	Trúng cử vào HĐQT tại ĐHĐCĐ 2016



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	TỔNG	Ghi chú
Hội đồng quản trị			324.881.000	602.846.000	138.000.000	1.065.727.000	
1	Lê Bá Thọ	Chủ tịch	-	184.000.000	27.000.000	211.000.000	Giữ chức Chủ tịch từ T5
2	Đình Việt Tùng	Chủ tịch	-	1.000.000	12.000.000	13.000.000	Giữ chức Chủ tịch từ T1 đến T4
3	Nguyễn Tăng Mãng	Thành viên	324.881.000	237.846.000	-	562.727.000	
4	Đặng Doãn Kiên	Thành viên	-	180.000.000	36.000.000	216.000.000	
5	Võ Duy Nghi	Thành viên	-	-	36.000.000	36.000.000	
6	Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	-	-	24.000.000	24.000.000	
7	Hoàng Tuấn	Thành viên	-	-	3.000.000	3.000.000	
Ban kiểm soát			62.646.000	3.000.000	20.000.000	85.646.000	
8	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trưởng Ban	62.646.000	-	-	62.646.000	Giữ chức trưởng ban KS từ T1 đến T4
9	Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	-	1.000.000	4.000.000	5.000.000	
10	Phạm Tường Minh		-	1.000.000	8.000.000	9.000.000	
11	Lê Công Minh		-	1.000.000	8.000.000	9.000.000	
Ban điều hành			2.099.241.500	1.168.126.000	-	3.267.367.500	
12	Võ Duy Nghi	Tổng Giám đốc	491.685.000	343.648.000	-	835.333.000	
13	Đỗ Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc	304.210.000	173.602.000	-	477.812.000	
14	Ngô Tứ	Phó Tổng Giám đốc	341.841.000	240.674.000	-	582.515.000	
15	Trần Nguyên Giáp	Phó Tổng Giám đốc	329.687.500	2.500.000	-	332.187.500	Giữ chức PTGD đến ngày 14/11/2016
16	Phan Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	346.585.000	241.464.000	-	588.049.000	
17	Bùi Thị Ngọc Hà	Kế toán trưởng	285.233.000	166.238.000	-	451.471.000	
TỔNG			2.486.768.500	1.773.972.000	158.000.000	4.418.740.500	

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã tuân thủ nghiêm ngặt và thực hiện tốt việc Quản trị Công ty theo đúng Quy chế nội bộ và quy định của pháp luật đối với Công ty Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.





Giao dịch của cổ đông lớn và người nội bộ

STT	Tên cổ đông lớn	Chức vụ/ Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	CTCP Chứng khoán IB	Cổ đông lớn	3.005.500	Mua thêm cổ phiếu	174.000	3.169.500	04/01/2016
2	Công ty CP SCI	Nhà đầu tư	0	Mua cổ phiếu	4.152.440	4.152.440	25/01/2016
3	Dương Thị Hồng Anh	Nhà đầu tư	0	Mua cổ phiếu	2.076.200	2.076.200	25/01/2016
4	Nguyễn Lã Thảo	Nhà đầu tư	0	Mua cổ phiếu	1.977.340	1.977.340	25/01/2016
5	CTCP Cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải	Nhà đầu tư	0	Mua cổ phiếu	1.186.400	1.186.400	27/01/2016
6	Trần Thị Thùy Dung	Nhà đầu tư	0	Mua cổ phiếu	790.930	790.930	25- 27/01/2016
7	Dương Thị Hồng Anh	Cổ đông lớn	2.076.200	Bán	1.800.000	276.200	19/02/2016
8	Cty TNHH MTV Quản lý quỹ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Nhà đầu tư	0	Mua cổ phiếu	1.800.000	1.800.000	23/02/2016
9	Cty TNHH MTV Quản lý quỹ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Nhà đầu tư	1.800.000	Mua cổ phiếu	245.000	2.045.000	24/02/2016
10	CTCP Cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải	Cổ đông lớn	1.186.400	Bán	1.186.400	0	21/04/2016
11	Nguyễn Lã Thảo	Cổ đông lớn	1.977.340	Bán	658.600	1.318.740	22/04/2016
12	Công ty CP SCI	Cổ đông lớn	4.152.440	Bán	4.054.066	98.374	28/06/2016
13	CTCP Chứng khoán IB	Cổ đông lớn	3.169.500	Bán	296.370	2.873.130	06/07/2016
14	Cty TNHH MTV Quản lý quỹ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Cổ đông lớn	2.045.000	Bán	2.045.000	0	07/07/2016
15	Nguyễn Lã Thảo	Cổ đông lớn	1.318.740	Bán	1.318.740	0	25/07/2016
16	CTCP Chứng khoán IB	Cổ đông lớn	2.873.130	Bán	1.577.010	1.296.120	26/09/2016
17	CTCP Chứng khoán IB	Cổ đông lớn	1.290.320	Bán	1.290.300	20	30/12/2016
18	Cty CP ĐT&XD Bưu điện	Cổ đông lớn	0	Mua thêm cổ phiếu	1.290.000	1.290.000	30/12/2016



STT	Tên người nội bộ	Chức vụ/ Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước SCIC	Tổ chức có liên quan đến: - Chủ tịch HĐQT. - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc. - Thành viên HĐQT Nguyễn Tăng Mãng. - Thành viên BKS Đỗ Thị Phương Lan.	12.290.640	Bán	12.290.640	0	22/01 - 26/02/2016
2	CTCP Giao nhận và Vận chuyển In Do Trần	Tổ chức có liên quan đến thành viên HĐQT Đặng Doãn Kiên	2.689.504	Mua thêm cổ phiếu	2.107.330	4.796.834	26/01- 19/02/2016
3	CTCP Kho vận miền Nam	Tổ chức có liên quan đến Ủy viên HĐQT Lê Bá Thọ	0	Mua thêm cổ phiếu	1.845.000	1.845.000	22/04/2016
4	CTCP Giao nhận và Vận chuyển In Do Trần	Tổ chức có liên quan đến Ủy viên HĐQT Đặng Doãn Kiên	4.796.834	Bán	4.796.834	0	24-29/06/2016
5	CTCP Kho vận miền Nam	Tổ chức có liên quan đến: - Chủ tịch HĐQT Lê Bá Thọ. - Thành viên BKS: Phạm Tường Minh. - Ủy viên HĐQT Đỗ Hoàng Phương.	1.845.000	Mua thêm cổ phiếu	8.850.900	10.695.900	24&28/06/2016
6	CTCP Kho vận miền Nam	Tổ chức có liên quan đến: - Chủ tịch HĐQT Lê Bá Thọ. - Thành viên BKS: Phạm Tường Minh. - Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ Đỗ Hoàng Phương.	10.695.900	Mua thêm cổ phiếu	5.033.340	15.729.240	27/07/2016
7	CTCP Kho vận miền Nam	Tổ chức có liên quan đến: - Chủ tịch HĐQT Lê Bá Thọ. - Trưởng BKS: Phạm Tường Minh. - Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ Đỗ Hoàng Phương.	15.729.240	Mua thêm cổ phiếu	1.887.510	17.616.750	26/09/2016
8	Nguyễn Thị Hồng	Thư ký HĐQT	19.724	Bán	10.000	9.724	04-27/07/2016





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETTRANSXIMEX

“Vững bước dẫn đầu – Nâng tầm cao mới”



Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 06.16.231/AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD) đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh, phát hành tại ngày 21 tháng 3 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY
Số GCNĐKHNKT: 1871-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Tp. HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VĂN VINH

Số GCNĐKHNKT: 0112-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		191.587.416.810	179.017.816.828
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	67.814.830.185	69.273.007.840
1. Tiền	111		25.414.830.185	16.273.007.840
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.400.000.000	53.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	1.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		106.706.339.310	85.821.509.118
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	111.894.291.665	96.333.834.652
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.739.985.775	908.724.050
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	9.755.702.446	8.932.237.310
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3.5	(16.683.640.576)	(20.353.286.894)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	9.607.624.539	16.652.049.017
1. Hàng tồn kho	141		10.084.640.123	17.163.647.864
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(477.015.584)	(511.598.847)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.458.622.776	6.271.250.853
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1.766.340.290	3.673.089.431
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.235.362.672	1.956.082.932
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	456.919.814	642.078.490
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		160.450.509.725	167.522.239.552
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		223.747.370	225.124.967
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	223.747.370	225.124.967
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		152.851.828.046	158.321.116.323
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	136.496.554.633	140.004.559.524
- Nguyên giá	222		532.820.776.019	501.451.429.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(396.324.221.386)	(361.446.870.026)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.355.273.413	18.316.556.799
- Nguyên giá	228		17.843.348.567	19.463.821.107
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.488.075.154)	(1.147.264.308)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	155.225.441	309.863.091
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		155.225.441	309.863.091
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	816.000.000	816.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		816.000.000	816.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.403.708.868	7.850.135.171
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	6.403.708.868	7.850.135.171
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		352.037.926.535	346.540.056.380

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		74.776.286.994	108.538.136.484
I. Nợ ngắn hạn	310		74.348.786.994	100.530.236.484
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	27.830.260.470	49.508.327.579
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.410.765.421	7.688.353.765
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.781.033.380	1.712.128.091
4. Phải trả người lao động	314		13.170.952.847	9.579.225.503
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	475.941.940	728.132.069
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	4.848.485
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.339.424.585	1.864.733.775
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	15.772.006.106	28.075.544.391
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.568.402.245	1.368.942.826
13. Quỹ bình ôn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		427.500.000	8.007.900.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	427.500.000	479.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	-	7.528.400.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		277.261.639.541	238.001.919.896
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	277.261.639.541	238.001.919.896
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.723.210.000	209.723.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.723.210.000	209.723.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.257.068.213	15.257.068.213
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.909.120.561	1.995.096.137
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.372.240.767	11.026.545.546
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		502.699.279	430.300.005
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48.869.541.488	10.596.245.541
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		352.037.926.535	346.540.056.380

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hoàng Thị Thanh Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Bùi Thị Ngọc Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC




VIỆT NAM

Võ Duy Nghi

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	427.472.461.591	580.411.232.044
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	427.472.461.591	580.411.232.044
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	339.179.195.575	493.079.918.827
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		88.293.266.016	87.331.313.217
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.837.557.160	4.175.313.496
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.918.889.754	7.706.754.984
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.789.456.375</i>	<i>6.819.131.763</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	43.643.673.921	66.101.816.299
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		45.568.259.501	17.698.055.430
11. Thu nhập khác	31	VI.7	20.398.582.131	1.363.266.843
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.812.322.649	780.833.794
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		16.586.259.482	582.433.049
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		62.154.518.983	18.280.488.479
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	13.284.977.495	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		48.869.541.488	18.280.488.479
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.330	828
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.330	828

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hoàng Thị Thanh Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Thị Ngọc Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN VẬN TẢI
ĐA PHƯƠNG THỨC
VIETTRANSIMEX
VIỆT NAM

Võ Duy Nghi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62.154.518.983	18.280.488.479
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9-10	56.172.516.986	61.671.847.737
- Các khoản dự phòng	03	VI.3.6	(3.704.229.581)	14.530.852.064
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(450.320.738)	(328.485.741)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.221.249.048)	(651.718.673)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	1.789.456.375	6.819.131.763
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		93.740.692.977	100.322.115.629
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(17.390.328.113)	10.633.201.936
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		7.079.007.741	22.165.133.257
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(21.766.958.123)	17.971.967.737
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		3.353.175.444	727.527.184
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.810.992.535)	(6.954.690.828)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.577.112.864)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		199.022.000	2.132.500.995
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.322.209.408)	(3.871.789.883)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		54.504.297.119	143.125.966.027
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(53.822.548.883)	(23.315.203.093)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		22.697.603.082	3.596.985.453
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.091.666.667)	(46.900.040)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		41.091.666.667	1.046.900.040
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.285.572.508	265.804.894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.839.373.293)	(18.452.412.746)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		152.838.626.430	261.816.788.090
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(172.670.564.715)	(317.916.668.533)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(6.959.612.703)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.386.880.162)	(10.355.606.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.218.818.447)	(73.415.100.046)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(1.553.894.621)	51.258.453.235
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		69.273.007.840	18.006.952.691
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		95.716.966	7.601.914
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		67.814.830.185	69.273.007.840

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hoàng Thị Thanh Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Thị Ngọc Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC

VIỆT NAM

Võ Duy Nghi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Vận tải Đa phương thức theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 05 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101901 ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 8 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01 tháng 11 năm 2016 về việc thay đổi tên Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế; Kinh doanh vận tải, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa, các dịch vụ phụ trợ bốc xếp khác;
- Cho thuê kho bãi, lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ kho ngoại quan;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải, xếp dỡ;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; Dịch vụ du lịch trên sông; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Cung ứng nhân lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và công nhân trong lĩnh vực vận tải, xếp dỡ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm;
- Dịch vụ đóng gói, bao bì cho hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ logistic; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ khai thuê hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ cảng;
- Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư; Xây dựng cảng sông và cảng biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Gia công chế tạo sơ mi rơ mooc, rơ mooc chuyên dùng;
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải, xếp dỡ, máy móc, thiết bị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn nguyên liệu, chất đốt, thạch cao, klinke phục vụ cho sản xuất xi măng;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Bán buôn vật tư, thiết bị và phụ tùng phục vụ ngành hàng hải;
- Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng giao thông, xây dựng phương án vận tải, xếp dỡ;
- Sửa chữa, đóng mới ô tô;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không;
- Bán buôn, gia công, chế biến các loại hàng nông lâm thổ sản, hàng thủ công mỹ nghệ;
- San lấp mặt bằng;
- Sửa chữa, đóng mới phương tiện vận tải thủy;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2016: 350 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 447 nhân viên).**7. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có sáu (06) chi nhánh, hai (02) văn phòng đại diện và một (01) công ty liên doanh như sau:

Chi nhánh:

1. Chi nhánh Miền Nam Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (Tại Thành phố Hồ Chí Minh)
2. Chi nhánh Miền Bắc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (Tại Thành phố Hà Nội)
3. Chi nhánh Vietranstimex Quảng Ngãi Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (Tại Thành phố Quảng Ngãi)
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex tại Miền Tây (Tại Thành phố Cần Thơ) (*)
5. Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Chi nhánh Vận tải Đa phương thức 2 (Tại Tỉnh Quảng Bình) (*)
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Công ty Vận tải Đa phương thức 1 (Tại Thành phố Hải Phòng) (*)

(*): Các chi nhánh này chấm dứt hoạt động kể từ ngày 31/12/2016

Văn phòng đại diện:

1. Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex tại Vương quốc Campuchia
2. Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Công ty liên doanh:

1. Công ty TNHH Liên doanh BNX – Vietranstimex

Theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011-001, hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Liên doanh BNX – Vietranstimex chấm dứt kể từ ngày 01/03/2011. Đến thời điểm ngày 31/12/2016, Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex đã thu hồi được vốn đầu tư. Tuy nhiên, Công ty TNHH Liên doanh BNX – Vietranstimex vẫn chưa hoàn tất thủ tục giải thể do chưa giải quyết dứt điểm các khoản công nợ phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng Công ty có phát sinh giao dịch.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của các ngân hàng Công ty có phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất thực hiện vận chuyển các công trình xây dựng cơ bản dở dang.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp:

- Tài sản cố định hữu hình mua sắm:

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

- Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu: nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

- Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp:

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất: là số tiền phải trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

- Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính: là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của tài sản. Thời gian sử dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian sử dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc, thiết bị (*)	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý (*)	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

() Công ty thực hiện khấu hao nhanh một số TSCĐ là máy móc, thiết bị; phương tiện vận tải; thiết bị, dụng cụ quản lý từ năm 2015 đến năm nay.*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí mua sắm đầu tư thiết bị hộp đen và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 48 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sẽ phải chi trong thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh; chi phí lãi tiền vay; chi phí khác... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (lãi tỷ giá hối đoái).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

18. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và trừ đi quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý và không báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
Tiền	25.414.830.185	16.273.007.840
Tiền mặt	961.574.500	2.186.756.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.453.255.685	14.086.251.840
Các khoản tương đương tiền	42.400.000.000	53.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	42.400.000.000	53.000.000.000
Cộng	67.814.830.185	69.273.007.840

2. Các khoản đầu tư tài chính: Xem chi tiết trang 36.

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	111.894.291.665	(15.255.570.176)	96.333.834.652	(20.325.216.494)
Khách hàng trong nước	78.863.065.462	(7.141.040.778)	79.088.949.519	(12.210.687.096)
+ Công ty Cơ Khí Và Xây Dựng Posco E & C Việt Nam	115.499.024	-	9.860.560.095	-
+ Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express (Việt Nam)	5.916.900.000	-	26.848.015.472	-
+ Khách hàng khác	72.830.666.438	(7.141.040.778)	42.380.373.952	(12.210.687.096)
Khách hàng nước ngoài	33.031.226.203	(8.114.529.398)	17.244.885.133	(8.114.529.398)
+ Cosco Logistics Kunming Co., Ltd	24.916.696.805	-	6.980.629.491	-
+ Khách hàng khác	8.114.529.398	(8.114.529.398)	10.264.255.642	(8.114.529.398)
Cộng	111.894.291.665	(15.255.570.176)	96.333.834.652	(20.325.216.494)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.739.985.775	-	908.724.050	-
Nhà cung cấp trong nước	1.739.985.775	-	908.724.050	-
+ CN Công ty TNHH SITC Việt Nam Tại TPHCM	206.888.000	-	-	-
+ Công ty CP VTB và thuê tàu Hoàng Gia	200.000.000	-	200.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV TMDV cơ khí vận tải Song Hằng	575.000.000	-	-	-
+ DNTN Tùng Bá	200.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH cơ khí Tân Hải	222.466.000	-	-	-
+ Nhà cung cấp khác	335.631.775	-	708.724.050	-
Cộng	1.739.985.775	-	908.724.050	-
5. Phải thu khác	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	9.755.702.446	(1.428.070.400)	8.932.237.310	(28.070.400)
Ký cược, ký quỹ	222.300.000	-	8.300.000	-
Lãi dự thu	70.472.539	-	81.919.821	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	-	26.192.072	-
Chi hệ chủ hàng	443.902.882	-	2.975.148.797	-
Tạm ứng	8.586.635.614	(1.400.000.000)	5.290.146.956	-
Phải thu khác	432.391.411	(28.070.400)	550.529.664	(28.070.400)
b. Dài hạn	223.747.370	-	225.124.967	-
Ký cược, ký quỹ	223.747.370	-	225.124.967	-
Cộng	9.979.449.816	(1.428.070.400)	9.157.362.277	(28.070.400)
6. Nợ xấu: Xem chi tiết trang 37.				
7. Hàng tồn kho	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.845.402.429	(411.187.184)	11.554.022.319	(411.187.184)
Công cụ, dụng cụ	93.370.797	-	28.908.800	-
Chi phí SX, KD dở dang	954.610.097	-	5.080.926.158	-
Hàng hoá	191.256.800	(65.828.400)	499.790.587	(100.411.663)
Cộng	10.084.640.123	(477.015.584)	17.163.647.864	(511.598.847)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất tại thời điểm cuối năm: 779.273.983 VND.

Nguyên nhân: Hàng tồn kho lâu, đã mất phẩm chất.

Hướng xử lý: tiếp tục theo dõi và có phương án xử lý thích hợp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Hàng tồn kho (tiếp theo)

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.
- Lý do dẫn đến việc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho lớn hơn giá gốc.

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	155.225.441	-	309.863.091	-
- Mua sắm	155.225.441	-	-	-
<i>Thiết bị đo giao động (hộp đen)</i>	<i>155.225.441</i>	-	-	-
- Xây dựng cơ bản	-	-	309.863.091	-
<i>Xây dựng kho tại KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng</i>	-	-	<i>228.335.819</i>	-
<i>Nâng cấp trạm bán lẻ xăng dầu 20 Yết Kiêu</i>	-	-	<i>13.636.363</i>	-
<i>Mở rộng trụ sở làm việc 80-82 Bạch Đằng</i>	-	-	<i>67.890.909</i>	-
Cộng	155.225.441	-	309.863.091	-

9. Tài sản cố định hữu hình: Xem chi tiết trang 38.**10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	17.880.352.771	1.583.468.336	19.463.821.107
<i>Mua trong năm</i>	-	<i>310.568.000</i>	<i>310.568.000</i>
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(1.931.040.540)</i>	-	<i>(1.931.040.540)</i>
Số dư cuối năm	15.949.312.231	1.894.036.336	17.843.348.567
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.147.264.308	1.147.264.308
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	<i>340.810.846</i>	<i>340.810.846</i>
Số dư cuối năm	-	1.488.075.154	1.488.075.154
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	17.880.352.771	436.204.028	18.316.556.799
Số dư cuối năm	15.949.312.231	405.961.182	16.355.273.413

* Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: Không có.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.324.564.313 VND.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định vô hình: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Chi phí trả trước	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.766.340.290	3.673.089.431
Chi phí mua bảo hiểm	227.254.560	499.481.663
Chi phí phần mềm	3.199.996	23.646.116
Chi phí sửa chữa tài sản	930.724.478	149.756.845
Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư phụ tùng	112.380.163	2.605.343.242
Chi phí thuê mặt bằng	193.380.470	33.883.200
Chi phí sử dụng đường bộ	273.917.997	298.812.619
Các khoản khác	25.482.626	62.165.746
Chi phí trả trước dài hạn	6.403.708.868	7.850.135.171
Chi phí mua bảo hiểm	-	38.088.146
Chi phí phần mềm	46.862.500	32.174.577
Chi phí sửa chữa tài sản	318.685.100	443.238.016
Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư phụ tùng	9.524.558	4.570.724.214
Tiền thuê đất trả nhiều kỳ	6.015.497.225	2.706.397.487
Chi phí sử dụng đường bộ	13.139.485	29.970.531
Các khoản khác	-	29.542.200
Cộng	8.170.049.158	11.523.224.602

12. Phải trả người bán	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	27.830.260.470	27.830.260.470	49.508.327.579	49.508.327.579
Nhà cung cấp trong nước	27.560.320.658	27.560.320.658	49.359.394.529	49.359.394.529
+ Công ty TNHH Joongang Crane Vina	3.947.999.980	3.947.999.980	3.900.000.000	3.900.000.000
+ Công ty CP Vận Tài và Thương Mại Tổng Hợp Việt Nam	-	-	6.085.915.000	6.085.915.000
+ Công ty Cổ Phần Cảng Dịch Vụ Dầu khí Tổng Hợp PTSC Thanh Hoá	380.694.159	380.694.159	8.507.298.259	8.507.298.259
+ Khách hàng khác	23.231.626.519	23.231.626.519	30.866.181.270	30.866.181.270
Nhà cung cấp nước ngoài	269.939.812	269.939.812	148.933.050	148.933.050
Cộng	27.830.260.470	27.830.260.470	49.508.327.579	49.508.327.579
b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
+ Công ty CP Vận tải TM & XNK Vinh Quang	-	-	4.840.157.100	4.840.157.100
+ Công ty TNHH TMDV Vận tải Thành Nhân	-	-	3.973.860.000	3.973.860.000
+ Nhà máy đóng tàu Sông Lô	212.526.000	212.526.000	-	-
+ CN Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex Quảng Bình	189.778.400	189.778.400	-	-
+ Công ty Bảo Hiểm toàn cầu Đà Nẵng	336.230.392	336.230.392	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả người bán	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán (tiếp theo)				
+ Công ty CP Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	380.694.159	380.694.159	-	-
+ Công ty CP Dầu khí VTI	250.000.000	250.000.000	-	-
+ Công ty TNHH Vận Tải Biển Hoàng Gia	390.000.000	390.000.000	-	-
+ Các đối tượng khác	136.278.842	136.278.842	3.703.382.454	3.703.382.454
Cộng	1.895.507.793	1.895.507.793	12.517.399.554	12.517.399.554
13. Người mua trả tiền trước			31/12/2016	01/01/2016
Ngắn hạn			7.410.765.421	7.688.353.765
Khách hàng trong nước			7.410.765.421	7.688.353.765
+ Công ty CP 30-4 Quảng Ngãi			1.248.432.906	-
+ Ngô Thị Hiền			5.611.476.950	2.000.000.000
+ Công ty TNHH Thiết Bị Nặng HLC Việt Nam			-	1.600.000.000
+ Công ty CP Kết cấu thép và Thiết bị nâng Việt Nam			-	2.079.000.000
+ Khách hàng khác			550.855.565	2.009.353.765
Cộng			7.410.765.421	7.688.353.765
14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	554.393.929	18.139.038.252	18.344.200.599	353.622.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.284.977.495	7.577.112.864	5.325.867.169
Thuế thu nhập cá nhân	18.098.433	1.160.341.129	1.272.264.947	98.961.268
Thuế nhà đất	-	36.876.940	36.537.734	-
Tiền thuê đất	1.064.407.870	4.520.570.792	5.584.978.662	-
Các loại thuế khác	75.227.859	91.480.319	164.126.156	2.582.022
Cộng	1.712.128.091	37.233.284.927	32.979.220.962	5.781.033.380
b. Phải thu			31/12/2016	01/01/2016
Thuế giá trị gia tăng			4.391.339	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp			200.501	382.197.963
Thuế thu nhập cá nhân			452.327.974	259.541.321
Thuế nhà đất			-	339.206
Cộng			456.919.814	642.078.490
15. Chi phí phải trả			31/12/2016	01/01/2016
Ngắn hạn			475.941.940	728.132.069
Chi phí lãi vay			11.897.730	33.433.890
Các khoản trích trước khác			464.044.210	694.698.179
Cộng			475.941.940	728.132.069

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Phải trả khác			31/12/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn				
Kinh phí công đoàn			336.600.959	88.348.207
Chủ hàng ứng trước tiền chi hộ			60.504.049	-
Công ty TNHH liên doanh BNX - Vietranstimex			816.000.000	816.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược			-	144.000.000
Cổ tức phải trả			296.055.951	294.007.713
Các khoản phải trả, phải nộp khác			830.263.626	522.377.855
Cộng			2.339.424.585	1.864.733.775
b. Dài hạn				
Đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động			427.500.000	479.500.000
Cộng			427.500.000	479.500.000
c. Phải trả khác là các bên liên quan				
Công ty TNHH liên doanh BNX - Vietranstimex			816.000.000	816.000.000
Cộng			816.000.000	816.000.000
17. Vay và nợ thuê tài chính			31/12/2016	01/01/2016
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.772.006.106	15.772.006.106	28.075.544.391	28.075.544.391
Vay ngân hàng	15.772.006.106	15.772.006.106	27.548.544.391	27.548.544.391
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Đà Nẵng	6.479.965.702	6.479.965.702	19.956.009.445	19.956.009.445
+ Ngân hàng TMCP Quân đội, CN Đà Nẵng	9.292.040.404	9.292.040.404	4.596.479.190	4.596.479.190
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Đà Nẵng	-	-	2.996.055.756	2.996.055.756
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	527.000.000	527.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Đà Nẵng	-	-	527.000.000	527.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	7.528.400.000	7.528.400.000
Vay ngân hàng	-	-	7.528.400.000	7.528.400.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Đà Nẵng	-	-	1.542.600.000	1.542.600.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đà Nẵng	-	-	5.985.800.000	5.985.800.000
Cộng	15.772.006.106	15.772.006.106	35.603.944.391	35.603.944.391

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Đà Nẵng gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
Số 127/2016/VCB-KHDN ngày 01/11/2016. Hạn mức vay: 60 tỷ đồng	Tối đa 09 tháng cho mỗi lần nhận nợ	Theo từng khế ước	6.097.926.863	Phương tiện vận tải và máy móc thiết bị
Số 142/2016/VCB - KHDN ngày 25/10/2016. Hạn mức vay: 10 tỷ đồng	Tối đa 09 tháng cho mỗi lần nhận nợ	Theo từng khế ước	161.140.000	Phương tiện vận tải và máy móc thiết bị
Số 152/2016/VCB-KHDN ngày 11/11/2016. Hạn mức vay: 10 tỷ đồng	Tối đa 09 tháng cho mỗi lần nhận nợ	Theo từng khế ước	220.898.839	Phương tiện vận tải và máy móc thiết bị

Khoản vay ngân hàng TMCP Quân đội, CN Đà Nẵng gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
Số 84311.16.301.53824.TD ngày 08/11/2016. Hạn mức vay: 50 tỷ đồng	Tối đa 06 tháng cho mỗi lần nhận nợ	Theo từng khế ước	9.292.040.404	4 xe Rơ mooc tự hành và 48 trục Rơ mooc tự hành

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem chi tiết trang 39.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp tại		
	ngày 31/12/2016	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước		-	122.906.400.000
Công ty cổ phần giao nhận và vận chuyển In đô Trần		-	26.895.040.000
Công ty cổ phần chứng khoán IR		-	30.055.000.000
Công ty cổ phần kho vận Miền Nam	84,00%	176.167.500.000	-
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bưu Điện	6,15%	12.900.000.000	-
Vốn góp của các cổ đông khác	9,85%	20.655.710.000	29.866.770.000
Cộng	100,00%	209.723.210.000	209.723.210.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2016	Năm 2015
Vốn góp của chủ sở hữu	209.723.210.000	209.723.210.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	209.723.210.000	209.723.210.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	209.723.210.000	209.723.210.000
Cổ tức đã phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên	8.388.928.400	10.486.160.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2016	01/01/2016
d. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.972.321	20.972.321
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.972.321	20.972.321
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.972.321	20.972.321
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.972.321	20.972.321
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.972.321	20.972.321
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2016	01/01/2016
Quỹ đầu tư phát triển	2.909.120.561	1.995.096.137
Cộng	2.909.120.561	1.995.096.137

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2016		01/01/2016	
	Nguyên tệ	Giá trị (VND)	Nguyên tệ	Giá trị (VND)
USD	\$ 476.576,99	10.487.183.537	\$ 296.276,77	6.651.413.489
EUR	€ 543,95	12.974.295	€ 7.450,24	182.128.567
Cộng		10.500.157.832		6.833.542.056

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	472.861.251	546.773.209
Doanh thu cung cấp dịch vụ	426.999.600.340	579.864.458.835
Cộng	427.472.461.591	580.411.232.044
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	472.861.251	546.773.209
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	426.999.600.340	579.864.458.835
Cộng	427.472.461.591	580.411.232.044
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.234.412.005	362.001.185
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	336.979.366.833	492.211.602.672
Giá trị hàng tồn kho mất mát trong năm	-	754.940
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.583.263)	505.560.030
Cộng	339.179.195.575	493.079.918.827

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2016	Năm 2015
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.274.125.226	259.967.864
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	113.111.196	3.586.859.891
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	450.320.738	328.485.741
Cộng	2.837.557.160	4.175.313.496
5. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	1.789.456.375	6.819.131.763
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	129.433.379	887.623.221
Cộng	1.918.889.754	7.706.754.984
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	32.287.332.203	37.215.685.458
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	2.152.504.387	2.619.312.854
Chi phí khấu hao TSCĐ	939.836.367	1.051.714.612
Thuế, phí, lệ phí	1.314.195.860	2.106.171.617
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.669.646.318)	14.025.292.034
Chi phí khác	10.619.451.422	9.083.639.724
Cộng	43.643.673.921	66.101.816.299
7. Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	19.947.123.822	409.258.181
Bán thanh lý phế liệu	65.899.212	32.754.842
Thu tiền phạt, bồi thường	(43.404.391)	454.784.188
Thu tiền điện từ đơn vị thuê mặt bằng	355.613.419	429.708.466
Các khoản khác	73.350.069	36.761.166
Cộng	20.398.582.131	1.363.266.843
8. Chi phí khác		
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	17.507.372
Các khoản bồi thường	3.366.403.445	126.160.000
Chi phí điện thu lại đơn vị thuê mặt bằng	384.459.799	434.125.548
Các khoản khác	61.459.405	203.040.874
Cộng	3.812.322.649	780.833.794
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.946.644.059	42.181.422.194
Chi phí nhân công	62.065.759.598	61.657.511.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.197.826.539	61.671.847.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.598.133.374	373.237.970.425
Chi phí khác bằng tiền	11.014.505.926	20.432.982.771
Cộng	382.822.869.496	559.181.735.126

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2016	Năm 2015
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.154.518.983	18.280.488.479
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	49.606.700.382	18.280.488.479
Lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	12.547.818.601	-
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.295.561.014	10.830.257.123
Các khoản điều chỉnh tăng	7.425.546.972	11.253.767.964
+ Chi phụ cấp thành viên HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	111.000.000	120.000.000
+ Lãi do đánh giá số dư ngoại tệ tiền, nợ phải thu năm trước	-	30.532.133
+ Các khoản chi phí không được trừ	7.314.546.972	11.103.235.831
Các khoản điều chỉnh giảm	2.129.985.958	423.510.841
+ Lãi do đánh giá số dư ngoại tệ tiền, nợ phải thu năm nay	450.769.488	328.635.841
+ Hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng đã loại trừ năm trước	1.671.302.501	94.875.000
+ Lỗ do đánh giá số dư ngoại tệ tiền, nợ phải thu năm trước	7.913.969	-
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	67.450.079.997	29.110.745.602
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	54.902.261.396	29.110.745.602
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	12.547.818.601	-
4. Chuyển lỗ	1.025.192.521	29.110.745.602
Từ hoạt động sản xuất kinh doanh	1.025.192.521	29.110.745.602
Từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.284.977.495	-
Từ hoạt động sản xuất kinh doanh	10.775.413.775	-
Từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	2.509.563.720	-
6. Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
7. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.284.977.495	-
8. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.869.541.488	18.280.488.479
11. Lãi trên cổ phiếu	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.869.541.488	18.280.488.479
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	(914.024.424)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	-	(914.024.424)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.869.541.488	17.366.464.055
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.972.321	20.972.321
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.330	828
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	2.330	828

(*) - Số liệu quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2016 chưa được thông qua Đại hội đồng cổ đông. Vì vậy, chỉ tiêu Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán chưa được trừ số liệu quỹ khen thưởng phúc lợi.

(**) - Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

12.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

12.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Dưới 90 ngày	92.434.293.422	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	2.608.628.283
>181 ngày	-	-	-	16.851.369.960
Tổng cộng giá trị ghi sổ	92.434.293.422	-	-	19.459.998.243
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(15.255.570.176)
Giá trị thuần	92.434.293.422	-	-	4.204.428.067
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Dưới 90 ngày	71.964.047.229	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	3.843.988.598
>181 ngày	-	-	-	20.525.798.825
Tổng cộng giá trị ghi sổ	71.964.047.229	-	-	24.369.787.423
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(20.325.216.494)
Giá trị thuần	71.964.047.229	-	-	4.044.570.929

12.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	15.772.006.106	-	-	15.772.006.106
Phải trả người bán	27.830.260.470	-	-	27.830.260.470
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.549.705.566	-	-	2.549.705.566
Cộng	46.151.972.142	-	-	46.151.972.142

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	28.075.544.391	7.528.400.000	-	35.603.944.391
Phải trả người bán	49.508.327.579	-	-	49.508.327.579
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.690.009.924	-	-	2.690.009.924
Cộng	80.273.881.894	7.528.400.000	-	87.802.281.894

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay, nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng sẽ được trả đúng hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần máy móc thiết bị, phương tiện vận tải làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.17 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Xem trang 40.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2016	Năm 2015
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	152.838.626.430	261.816.788.090
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2016	Năm 2015
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	172.670.564.715	317.916.668.533

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam	Công ty mẹ	Bán tài sản	990.000.000	450.000.000
		Cho thuê văn phòng	10.000.000	10.000.000
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	635.459.350	64.000.000
		Cho vay	40.000.000.000	-
		Lãi cho vay	91.666.667	-
		Thuê dịch vụ vận chuyển	105.600.000	-
		Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam tại Hà Nội	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển
		Thuê dịch vụ vận chuyển	38.867.567	-
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	39.600.000	
		Thuê dịch vụ vận chuyển	303.072.600	(193.935.000)
Tổng Công ty Cổ phần đường sông Miền Nam	Bên liên quan	Bán tài sản	110.000.000	-
		Thuê dịch vụ vận chuyển	196.308.779	-
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex	Công ty liên doanh	Phải trả khác	-	(816.000.000)
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			Năm 2016	Năm 2015
Hội đồng quản trị		Thù lao	141.000.000	132.000.000
Ban Tổng Giám đốc		Lương	2.110.306.000	1.836.392.867
Cộng			2.251.306.000	1.968.392.867

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp dịch vụ chứ không phải là theo lĩnh vực kinh doanh, bởi vì hoạt động của Công ty là cung ứng dịch vụ vận tải chiếm tỷ trọng hơn 99% doanh thu. Vì vậy, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý và không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo khu vực địa lý cho năm tài chính 2016

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty báo cáo hoạt động theo các khu vực: miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận theo khu vực địa lý	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Miền Bắc	39.688.161.263	33.682.262.198	6.005.899.065
Miền Trung	272.912.975.234	209.151.520.883	63.761.454.351
Miền Nam	114.871.325.094	96.345.412.494	18.525.912.600
Cộng	427.472.461.591	339.179.195.575	88.293.266.016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)**b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo khu vực địa lý cho năm tài chính 2015**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty báo cáo hoạt động theo các khu vực: miền Bắc, miền Trung và miền Nam Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận theo khu vực địa lý	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Miền Bắc	17.284.409.372	13.293.849.622	3.990.559.750
Miền Trung	391.120.272.983	330.804.765.371	60.315.507.612
Miền Nam	172.006.549.689	148.981.303.834	23.025.245.855
Cộng	580.411.232.044	493.079.918.827	87.331.313.217

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.**6. Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD) đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh, phát hành tại ngày 21 tháng 3 năm 2016.

Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành.

Chỉ tiêu	Năm 2015 Số đã trình bày	Năm 2015 Số trình bày lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	872	828	(44)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	872	828	(44)
Trên Thuyết minh Báo cáo tài chính			
VI.9 - Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố			
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.181.422.194	42.181.422.194	-
Chi phí nhân công	61.657.511.999	61.657.511.999	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.671.847.737	61.671.847.737	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	348.954.036.041	373.237.970.425	24.283.934.384
Chi phí khác bằng tiền	5.539.374.582	20.432.982.771	14.893.608.189
Cộng	520.004.192.553	559.181.735.126	39.177.542.573

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hoàng Thị Thanh Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Thị Ngọc Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Duy Nghi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh	816.000.000	-	816.000.000	-
(*) Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex	816.000.000	-	816.000.000	-
Cộng	816.000.000	-	816.000.000	-

(*) Theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011-001, hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Liên doanh BNX – Vietranstimex chấm dứt kể từ ngày 01/03/2011. Đến thời điểm ngày 31/12/2016, Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex đã thu hồi được vốn đầu tư. Tuy nhiên, Công ty TNHH Liên doanh BNX – Vietranstimex vẫn chưa hoàn tất thủ tục giải thể do chưa giải quyết dứt điểm các khoản công nợ phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	32.520.736.480	29.751.767.602	438.032.199.183	1.146.726.285	501.451.429.550
Mua trong năm	-	252.999.999	53.048.891.807	33.500.000	53.335.391.806
Phân loại lại	-	3.745.921.387	(3.745.921.387)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.127.217.103)	(225.000.000)	(20.613.828.234)	-	(21.966.045.337)
Số dư cuối năm	31.393.519.377	33.525.688.988	466.721.341.369	1.180.226.285	532.820.776.019
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.394.072.714	23.238.877.924	324.692.692.251	1.121.227.137	361.446.870.026
Khấu hao trong năm	2.052.730.251	3.370.087.054	50.380.231.890	28.654.945	55.831.706.140
Phân loại lại	-	3.745.921.387	(3.745.921.387)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(913.268.042)	(225.000.000)	(19.816.086.738)	-	(20.954.354.780)
Số dư cuối năm	13.533.534.923	30.129.886.365	351.510.918.016	1.149.882.082	396.324.221.386
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	20.126.663.766	6.512.889.678	113.339.506.932	25.499.148	140.004.559.524
Số dư cuối năm	17.859.984.454	3.395.802.623	115.210.423.353	30.344.203	136.496.554.633

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 30.707.116.215 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 201.918.694.563 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: Không có

* Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình: Công ty thực hiện khấu hao nhanh một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị, dụng cụ quản lý trong năm 2016. Phương pháp khấu hao này áp dụng nhất quán từ năm 2015, phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.19. Vốn chủ sở hữu
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	209.723.210.000	15.257.068.213	1.650.742.488	7.410.703.603	234.041.724.304
Lợi nhuận	-	-	-	18.280.488.479	18.280.488.479
Trích lập các quỹ năm 2014	-	-	344.353.649	(344.353.649)	-
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	(10.486.160.500)	(10.486.160.500)
Giảm khác	-	-	-	(3.834.132.387)	(3.834.132.387)
Số dư cuối năm trước	209.723.210.000	15.257.068.213	1.995.096.137	11.026.545.546	238.001.919.896
Số dư đầu năm nay	209.723.210.000	15.257.068.213	1.995.096.137	11.026.545.546	238.001.919.896
Lợi nhuận	-	-	-	48.869.541.488	48.869.541.488
Trích lập các quỹ năm 2015	-	-	914.024.424	(914.024.424)	-
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	(8.388.928.400)	(8.388.928.400)
Giảm khác	-	-	-	(1.220.893.443)	(1.220.893.443)
Số dư cuối năm nay	209.723.210.000	15.257.068.213	2.909.120.561	49.372.240.767	277.261.639.541

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ			
	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	1.000.000.000	-
- Phải thu khách hàng	1.1.894.291.665	(15.255.570.176)	96.333.834.652	(20.325.216.494)
- Phải thu khác	1.392.814.202	(28.070.400)	3.841.023.249	(28.070.400)
- Tiền và các khoản trong đương tiền	67.814.830.185	-	69.273.007.840	-
TỔNG CỘNG	181.101.936.052	(15.283.640.576)	170.447.865.741	(20.353.286.894)
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	15.772.006.106	-	35.603.944.391	-
- Phải trả người bán	27.830.260.470	-	49.508.327.579	-
- Phải trả khác và chi phí phải trả	2.549.705.566	-	2.690.009.924	-
TỔNG CỘNG	46.151.972.142	-	87.802.281.894	-

Giá trị hợp lý

 1.000.000.000
 76.008.618.158
 3.812.952.849
 69.273.007.840
150.094.578.847
 35.603.944.391
 49.508.327.579
 2.690.009.924
87.802.281.894



CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT




TỔNG GIÁM ĐỐC
Võ Duy Nghi



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX

Địa chỉ: 80 – 82 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3840399 - Fax: (0236) – 3822478

Website: www.vietranstimex.com.vn